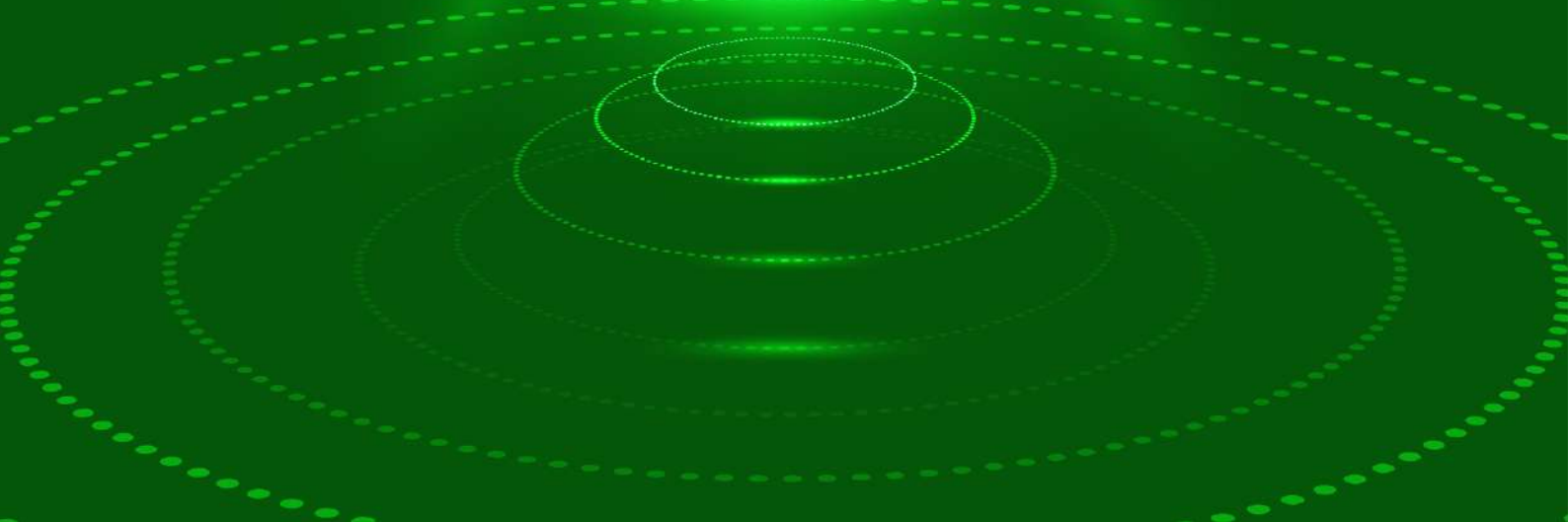
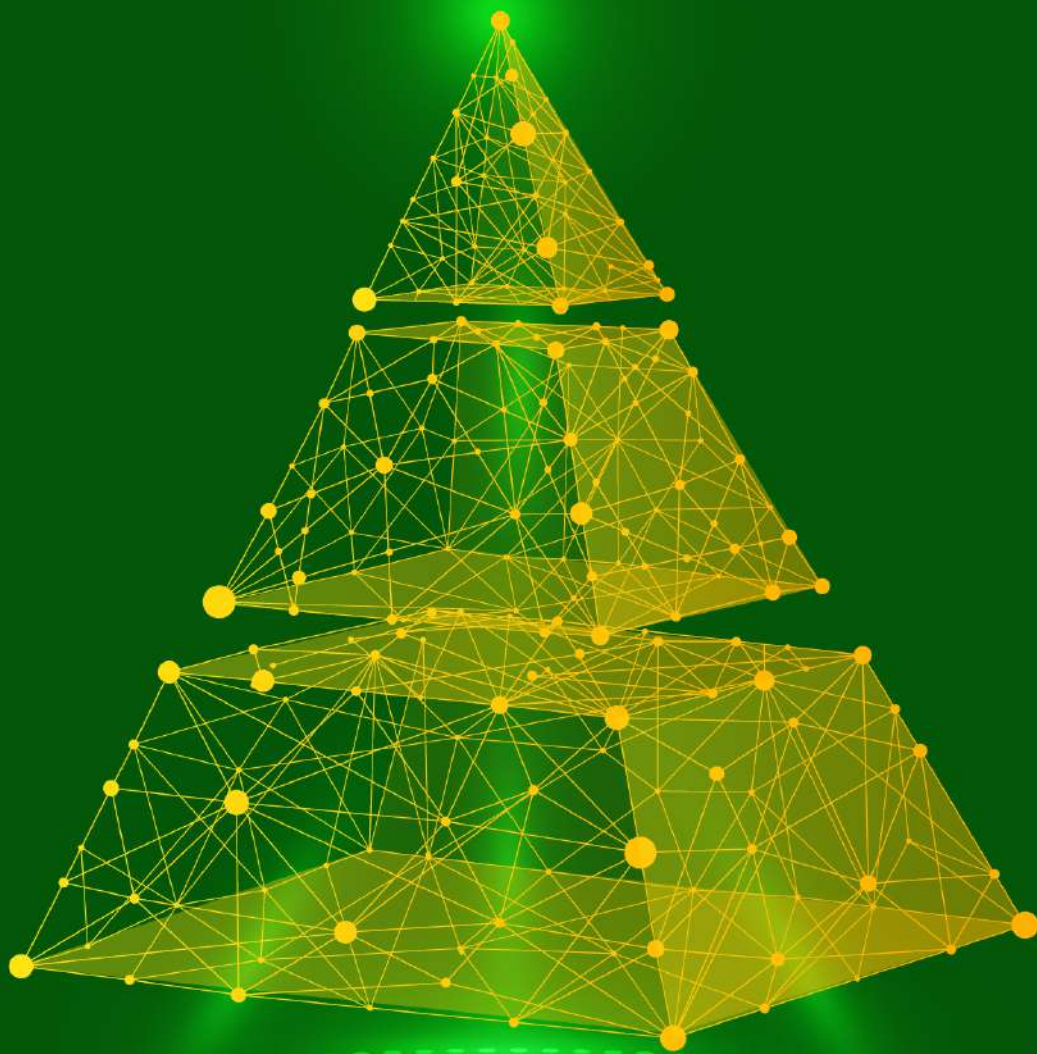




CỦNG CỐ NỘI LỰC VỮNG BƯỚC THÀNH CÔNG

Báo cáo thường niên 2023



BẢNG KÝ TỰ VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
BKS	Ban kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
Công ty	Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC
CP	Cổ phiếu/ Cổ phần
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội Đồng cổ đông
Điều lệ Công ty	Điều lệ của CTCP Chứng khoán DSC
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
DNSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng (nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC)
DSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC
DTT	Doanh thu thuần
GVHB	Giá vốn hàng bán
HĐQT	Hội đồng quản trị
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
LNG	Lợi nhuận gộp
LNST	Lợi nhuận sau thuế
NĐT	Nhà đầu tư
QTRR	Quản trị rủi ro
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
TCTD	Tổ chức tín dụng
Thuế GTGT	Thuế giá trị gia tăng
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TSLĐ	Tài sản lưu động
TTCK	Thị trường Chứng khoán
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
UBCK/UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UPCoM	Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức, vận hành
VSDC	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam



NỘI DUNG

1. THÔNG TIN NỔI BẬT

- 4 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 8 Ấn tượng 2023

2. TỔNG QUAN DSC

- 12 Thông tin doanh nghiệp
- 13 Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
- 14 Lịch sử hình thành và phát triển
- 18 Ngành nghề kinh doanh
- 20 Sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý
- 22 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 24 Giới thiệu Đội ngũ lãnh đạo

3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2023

- 30 Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2023
- 34 Báo cáo kết quả hoạt động

4. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2024

- 48 Phân tích và nhận định thị trường 2024
- 50 Kế hoạch hành động 2024

5. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 60 Báo cáo của HĐQT
- 62 Hoạt động Quản trị doanh nghiệp trong năm 2023

6. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 70 Định hướng và Chính sách nhân sự
- 70 Trách nhiệm đối với xã hội, nhà nước và cổ đông

7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

8. THÔNG TIN LIÊN HỆ



DSC

SECURITIES



Nguyễn Đức Anh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Kính gửi Quý cổ đông, Nhà đầu tư và Đối tác,

Năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức cả ở trong và ngoài nước như: Dòng chảy thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục bị ảnh hưởng do căng thẳng địa chính trị không ngừng gia tăng ở nhiều khu vực; Tăng trưởng kinh tế thấp, đặc biệt là nhu cầu tiêu dùng giảm... Tuy nhiên, với sự điều hành quyết liệt, linh hoạt của Chính phủ và sự phối hợp nhịp nhàng giữa Bộ Tài chính cùng các ban ngành có liên quan, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023 vẫn duy trì sự ổn định, an toàn và tiếp tục thể hiện được vai trò là kênh dẫn vốn trung, dài hạn cho nền kinh tế, thu hút sự tham gia tích cực của nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Theo đó, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn được đánh giá là điểm sáng tích cực so với thị trường các nước trong khu vực và trên thế giới. Tính đến ngày 29/12/2023, chỉ số VNIndex kết phiên ở mức 1,129,38 điểm tăng 12% so với cuối năm 2022. Mức vốn hóa thị trường ước đạt hơn 240 tỷ USD, tương đương 56,4% GDP.

Trong bối cảnh chung của thị trường như vậy, năm 2023, CTCP Chứng khoán DSC đã đạt được nhiều dấu ấn đáng tự hào, tiếp tục có những bước tiến vượt bậc về quy mô và hiệu quả hoạt động: Tăng vốn điều lệ thành công lên hơn 2,000 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế đạt 150,1 tỷ đồng, tăng trưởng 254% so với 2022 và vượt 56% so với kế hoạch; Năm 2023 là năm có bước phát triển mạnh mẽ tính bản lề đối với hoạt động môi giới của DSC.

Thị phần năm 2023 đạt 3,81%, đứng thứ 8 trong Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại Sàn UPCOM. Việc phát triển vượt bậc và nêu tên trong Top 8 đã thể hiện sự nỗ lực rất lớn của DSC trong thị trường cạnh tranh khốc liệt và điều kiện hạn hẹp về mặt tài chính trong giai đoạn nền kinh tế hiện nay. Quản trị rủi ro hiệu quả không để phát sinh nợ xấu, khiếu kiện, khiếu nại từ khách hàng, đối tác; Thương hiệu DSC đang dần được khẳng định trên thị trường Tài chính – Chứng khoán.

Để có được thành quả như vậy, DSC luôn kiên định với chiến lược mà Hội đồng Quản trị đã đề ra trong năm 2023: Mở rộng và gia tăng hiệu quả hoạt động môi giới khách hàng cá nhân trên cơ sở gia tăng tiện ích, trải nghiệm cho khách hàng với nền tảng giao dịch hiện đại, đa dạng; Hoạt động tự doanh cổ phiếu hiệu quả để tận dụng cơ hội thị trường; Hoạt động IB được đẩy mạnh giúp mở rộng dư địa thị trường, kênh phân phối cho các sản phẩm dịch vụ của DSC.

“Củng cố nền tảng, tạo đà vững chắc cho tăng trưởng trong những năm tới là thông điệp, là kim chỉ nam cho các hoạt động của DSC trong năm 2023”

Trong năm 2024 tầm nhìn và chiến lược của DSC được cụ thể hóa như sau:

- ▶ Tổ chức niêm yết thành công cổ phiếu DSC trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh HOSE
- ▶ Tiếp tục lấy khách hàng làm trọng tâm thông qua việc số hóa sản phẩm – dịch vụ để gia tăng trải nghiệm và mang đến cơ hội đầu tư tốt nhất dành cho khách hàng.
- ▶ Tiếp tục đưa ra các sản phẩm, dịch vụ cạnh tranh, đáp ứng đa dạng nhu cầu khách hàng với tiêu chí nhanh nhất và chi phí thấp nhất.
- ▶ Tiếp tục gia tăng hiệu quả hoạt động thông qua: Cải thiện cơ cấu chi phí và Tăng hiệu quả sử dụng tài sản.
- ▶ Quản trị rủi ro hiệu quả, từng bước truyền thông và xây dựng văn hóa quản trị rủi ro đến từng khâu, từng đơn vị tại DSC.

Tuy chặng đường phía trước còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát luôn quyết tâm nỗ lực, triển khai các giải pháp linh hoạt, sáng tạo để quản trị - điều hành DSC phát triển bền vững, khẳng định khát vọng vị thế tiên phong, dẫn đầu của DSC trong chuyển đổi số ngành chứng khoán tại Việt Nam.

Thay mặt HĐQT, tôi tin tưởng với những định hướng xuyên suốt và chiến lược quản trị của DSC, năm 2024 chúng ta sẽ đạt được nhiều thành tựu hơn nữa. Bằng tất cả nỗ lực của mình, DSC sẽ quan tâm tới sự cân bằng lợi ích của các bên liên quan, gia tăng giá trị cho doanh nghiệp, con người và hướng tới phát triển bền vững, đem lại giá trị thịnh vượng cho xã hội.

Kính thư!

CHỦ TỊCH HĐQT



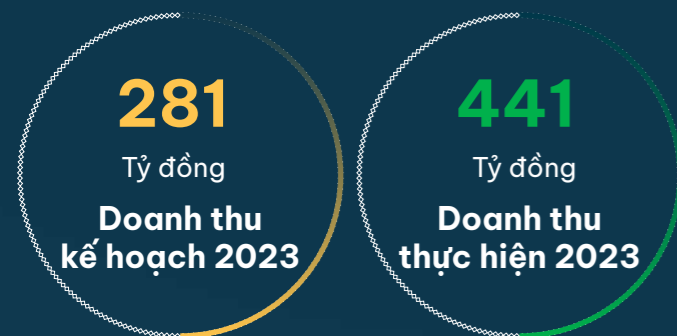
Nguyễn Đức Anh



Ấn tượng 2023

A. Kết quả kinh doanh

1. Tổng doanh thu



↑ 57% so với KH

↑ 163% so với 2022

2. Lợi nhuận trước thuế



↑ 56% so với KH

↑ 254% so với 2022

3. Tổng tài sản



↑ 71,1%

Số nợ cho vay



↑ 49,5%

B. Quản trị, vận hành

1. Phát hành thành công

104,838,925 cổ phần

Tăng vốn từ 1,000 Tỷ đồng lên 2,048 Tỷ đồng

2. Giá trị tài sản của khách hàng

8,450 tỷ đồng

(31/12/2023) Tăng 112% so với đầu năm

3. Thành lập

Khởi tư vấn số, phòng phát triển khách hàng cá nhân, nhằm hoàn chỉnh chuỗi giá trị cung cấp cho khách hàng cá nhân

4. Xây dựng

Dịch vụ quản lý tài sản nhằm cung cấp thêm các lựa chọn và nâng cấp hiệu quả đầu tư cho khách hàng cá nhân

5. Tăng cường trải nghiệm khách hàng

Hoàn thiện hệ thống eKYC, hệ thống Welearn, Wetrade, Weclub, Wedemo



TỔNG QUAN DSC

Thông tin doanh nghiệp

Thông tin chung

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC
Tên viết tắt	DSC
Tên tiếng Anh	DSC Securities Corporation
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 29/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 18/12/2006 và các Giấy phép điều chỉnh liên quan.
Mã chứng khoán(UPCOM)	DSC
Vốn điều lệ (tại 31/12/2023)	2,048,389,250,000 đồng
Trụ sở chính	Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Website	www.dsc.com.vn
Điện thoại	+84 24 3880 3456 (Khu vực Miền Bắc - Hà Nội) +84 236 3888 588 (Khu vực Miền Trung - Đà Nẵng)

Công ty Chứng khoán DSC được chính thức thành lập và hoạt động từ ngày 18/12/2006. Trải qua hơn 17 năm hoạt động, Công ty không ngừng lớn mạnh cả về số lượng, chất lượng với uy tín và vị thế ngày càng được khẳng định trên thị trường chứng khoán trong và ngoài nước.

Liên hệ

Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

Trở thành một thương hiệu mạnh, uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Thành công của DSC được tạo dựng từ niềm tin của khách hàng, cổ đông, đối tác và cộng đồng. DSC cam kết bằng trách nhiệm cao nhất của mình luôn đồng hành, hỗ trợ để cùng khách hàng hướng tới thành công.

Sứ mệnh

Mang lại sự thành công và thịnh vượng cho khách hàng. Với phương châm “Đồng hành cùng Thành Công”, DSC mong muốn mang đến những tư vấn chuyên sâu, các giải pháp tài chính hiệu quả, cơ hội đầu tư đa dạng nhằm tối đa hóa lợi ích của khách hàng.

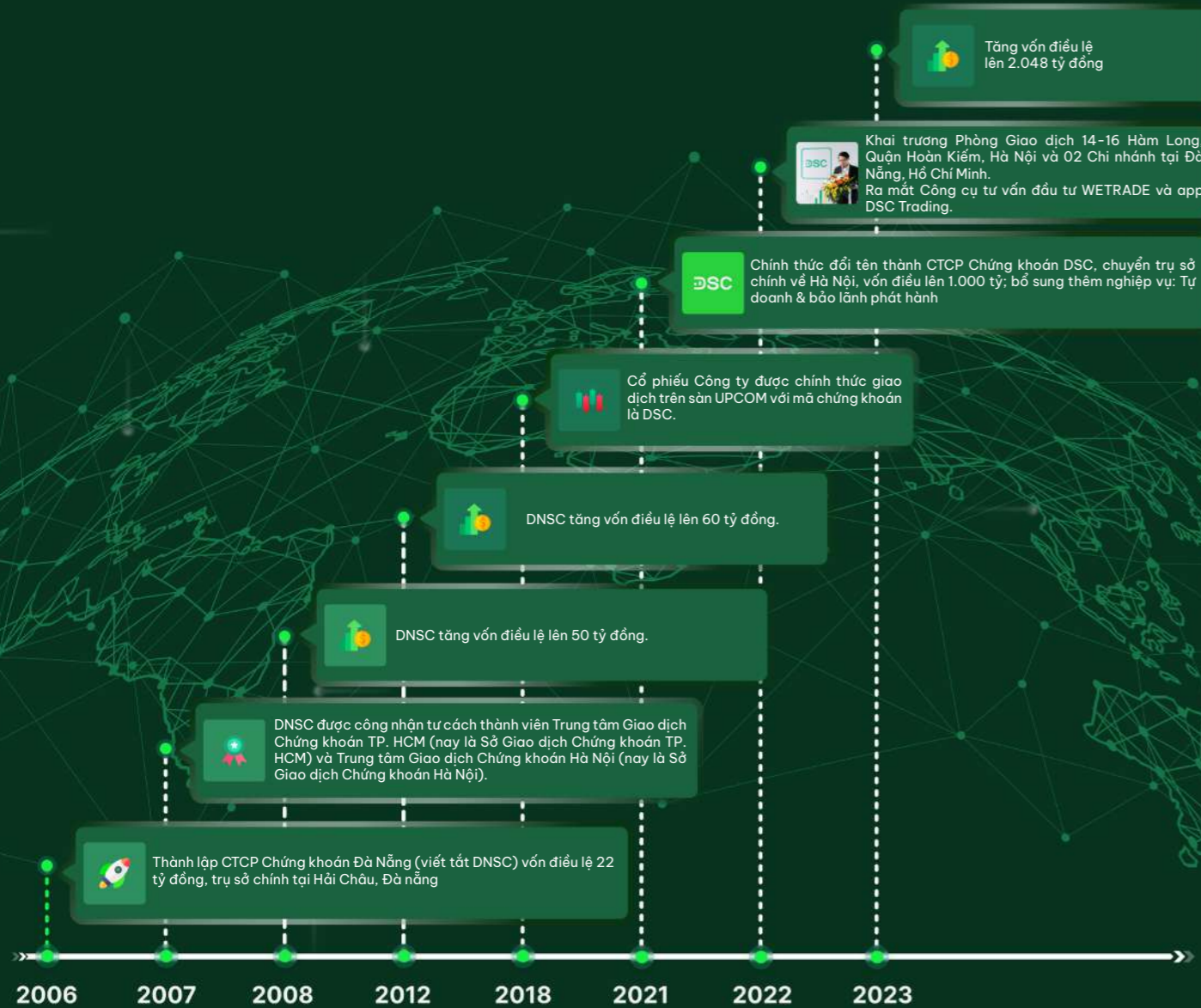
Giá trị cốt lõi

Luôn đặt lợi ích và những trải nghiệm của khách hàng là mục tiêu hàng đầu, chúng tôi tự tin trong việc thích ứng các xu hướng thị trường mới với nền tảng công nghệ hiện đại từng bước góp phần xây dựng thị trường vốn minh bạch để đồng hành cùng sự phát triển của nền kinh tế Việt

D Diligent **Tận tụy**
S Swift **Nhanh chóng**
C Credible **Đáng tin cậy**

Lịch sử hình thành & phát triển

Quá trình hình thành và phát triển



Cơ cấu cổ đông

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Theo tỷ lệ sở hữu				
1	Cổ đông lớn			
1.1	Cổ đông tổ chức	01	70,000,000	34,1732%
1.2	Cổ đông cá nhân	01	72,999,800	35,6377%
2	Cổ đông khác			
2.1	Cổ đông tổ chức	01	1,500	0,0007%
2.2	Cổ đông cá nhân	1207	134,824,525	65,8244%
3	Cổ đông nhà nước			
Không có				
Tổng cộng				
3.1	Cổ đông trong nước	1207	204,835,525	99,9983%
3.2	Cổ đông nước ngoài	03	3,400	0,0017%
Tổng cộng		1210	204,838,925	100%

(Theo Danh Sách cổ đông tại ngày 8/1/2024 do VSDC cung cấp)

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Thời gian	Vốn điều lệ	Hình thức tăng vốn
Lần 1	12/2006	22,000,000,000	Góp vốn thành lập công ty
Lần 2	06/2008	50,000,000,000	Chào bán CP cho cổ đông hiện hữu và CBNV
Lần 3	05/2012	60,000,000,000	Chào bán CP riêng lẻ
Lần 4	09/2021	1,000,000,000,000	Chào bán CP riêng lẻ
Lần 5	08/2023	2,048,389,250,000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng: 99,955,225 CP Phát hành cổ phiếu cho người lao động theo chương trình lựa chọn: 4,883,700 CP

Cổ phần

Tổng số CP đang lưu hành:

204,838,925 cổ phần

Tổng số CP hạn chế chuyển nhượng:

74,883,700 cổ phần

Thời gian	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Ghi chú
01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (từ ngày 05/7/2023 đến hết ngày 04/7/2024)	4,883,700	Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động của Công ty có thời gian hạn chế là: chỉ được chuyển nhượng 40% sau 01 năm, 30% sau 02 năm và 30% còn lại sau 03 năm kể từ ngày phát hành.
02 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (từ ngày 05/7/2024 đến hết ngày 04/7/2025)	2,930,220	
03 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (từ ngày 05/7/2025 đến hết ngày 04/7/2026)	1,465,110	
16/8/2021 - 16/8/2024	70,000,000	NĐT chiến lược trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2021 bị hạn chế đến hết ngày 16/8/2024

Số CP quỹ: **0 cổ phần**

Các loại chứng khoán khác: **Không có**

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/VĐL
1	Nguyễn Đức Anh	001095043818	Kính Nỗ, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	72,999,800	35,6377%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư NTP	0109537681	Tầng 8, Thành Công Building, Số 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	70,000,000	34,1732%

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép hoạt động chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính (Luật chứng khoán 2020; Nghị định 155/2020/NĐ-CP) <i>(Trừ Tư vấn pháp luật, tài chính, kiểm toán, pháp luật)</i>	7020	X
2	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán Chi tiết: Môi giới chứng khoán; môi giới chứng khoán phái sinh (Luật chứng khoán 2020; Nghị định 155/2020/NĐ-CP)	6612	
3	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chứng khoán (Luật chứng khoán 2020; Nghị định 155/2020/NĐ-CP) <i>(Trừ Thanh toán hồi phiếu, thông tin tỷ lệ lượng)</i>	7490	
4	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tự doanh chứng khoán phái sinh; bảo lãnh phát hành chứng khoán; Hoạt động lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán; Dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của mình và khách hàng môi giới của mình (Luật chứng khoán 2020; Nghị định 155/2020/NĐ-CP) <i>(Trừ Tư vấn pháp luật, tài chính, kiểm toán, pháp luật)</i> Chỉ hoạt động khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép	6619	

Khu vực hoạt động

MIỀN BẮC

- Hội sở chính - Hà Nội**: Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- PGD Hàm Long - Hà Nội**: 14-16 Hàm Long, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

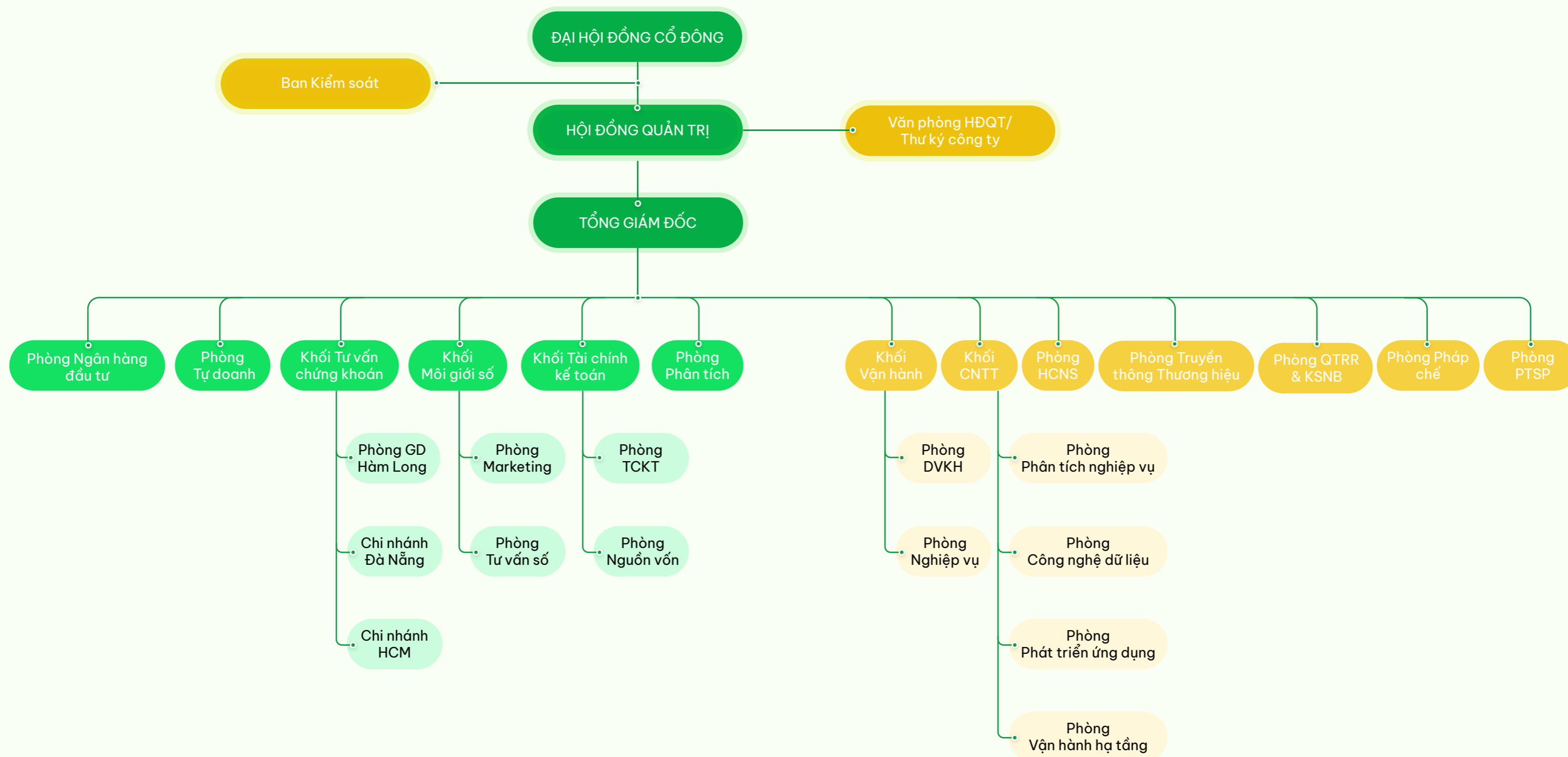
MIỀN TRUNG

- Chi nhánh Đà Nẵng**: 157 Đồng Đa, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

MIỀN NAM

- Chi nhánh Hồ Chí Minh**: 14 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 17, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý



Chủ tịch Hội đồng Quản trị



ÔNG: NGUYỄN ĐỨC ANH

CHỦ TỊCH HĐQT

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Năm sinh:
1995

Thời điểm bổ nhiệm:
08/01/2021

Số lượng chứng khoán sở hữu:
72,999,800

Chức danh nắm giữ tại tổ chức khác:
Chủ tịch HĐQT - CTCP Đầu tư NTP
Chủ tịch HĐQT - CTCP Thành Công Motor Việt Nam
Chủ tịch HĐQT - CTCP Ô tô Việt Nam - Châu Âu

Thành tựu nổi bật:
Ông Nguyễn Đức Anh - Thạc sỹ ngành Kinh tế tại UMASS Boston University. Ông là lãnh đạo trẻ đầu tiên xây dựng sự nghiệp thành công tại DSC từ những ngày đầu M&A và tái cấu trúc Công ty. Dưới sự lãnh đạo sát sao của ông, DSC đã có những bước tiến thần tốc về quy mô hoạt động, đội ngũ nhân sự, đặc biệt là hiệu quả hoạt động tương đương với những công ty chứng khoán cùng quy mô vốn đã hoạt động hơn 17 năm trên thị trường.

Giới thiệu Hội đồng Quản trị

Tính đến ngày 31/12/2023, Cơ cấu Thành viên HĐQT công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Đức Anh	Chủ tịch HĐQT	72,999,800	35,6377%
2	Bạch Quốc Vinh	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	300,000	0,1465%
3	Nguyễn Thị Thu Hà	TV HĐQT	6,059,800	2,9583%
4	Vũ Nhật Lâm	TV HĐQT	25,000	0,0122%

Hội đồng Quản trị



ÔNG: BẠCH QUỐC VINH

THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Năm sinh: 1975

Thời điểm bổ nhiệm: 20/4/2022

Số lượng chứng khoán sở hữu: 300,000

Chức danh nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên BKS - CTCP Đầu tư PV - Inconess
Thành viên HĐQT CTCP quản lý quỹ NTP

Thành tựu nổi bật: Ông Bạch Quốc Vinh tốt nghiệp Thạc sỹ trường Irvine University, đã có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, bảo hiểm. Dưới sự lãnh đạo của ông Bạch Quốc Vinh, sau hơn 2 năm tái cơ cấu, DSC đã có sự phát triển vượt bậc về quy mô hoạt động, hiệu quả kinh doanh và tạo nền tảng vững chắc cho DSC phát triển bền vững trong thời gian tới.



ÔNG: VŨ NHẬT LÂM

THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế

Năm sinh : 1974

Thời điểm bổ nhiệm: 26/07/2021

Số lượng chứng khoán sở hữu: 25,000

Chức danh nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Thành Công Motor Việt Nam.

Thành tựu nổi bật: Ông Vũ Nhật Lâm có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Ông giữ nhiều vị trí chủ chốt tại các ngân hàng TMCP lớn trong nhiều năm. Đồng hành cùng DSC từ giai đoạn bắt đầu tái cơ cấu, ông đã có những đóng góp quan trọng trong việc định hướng chiến lược để DSC phát triển bền vững, hiệu quả.



BÀ: NGUYỄN THỊ THU HÀ

THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế

Năm sinh : 1986

Thời điểm bổ nhiệm: 08/01/2021

Số lượng chứng khoán sở hữu: 6,059,800

Chức danh nắm giữ tại tổ chức khác: TV HĐQT - CTCP Đầu tư NTP

Thành tựu nổi bật: Bà Nguyễn Thị Thu Hà có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tài sản, tài chính kế toán và nắm giữ vị trí chủ chốt tại DSC từ những ngày đầu M&A.



Ban Kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Hiền Ngọc

Trưởng Ban Kiểm soát

- Cử nhân kinh tế.
- Với hơn 35 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực kế toán, bà Hiền Ngọc đã từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Ban Tài chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công; Trưởng văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công tại Hà Nội.



Bà Bùi Thị Ngọc Ly

Thành viên Ban Kiểm soát

- Cử nhân kinh tế.
- Với kinh nghiệm hơn 10 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công.



Bà Lê Thị Liên

Thành viên Ban Kiểm soát

- Cử nhân kinh tế.
- Với kinh nghiệm hơn 10 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công.

Ban Điều hành



Ông Bạch Quốc Vinh

Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm: 2022

Ông Bạch Quốc Vinh tốt nghiệp Thạc sĩ trường Irvine University, Ông Vinh có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, bảo hiểm.

Trong giai đoạn ông Bạch Quốc Vinh công tác tại DSC, tình hình kinh doanh của Công ty đã có nhiều bước phát triển chuyên nghiệp, hiệu quả về tầm nhìn, chiến lược hoạt động, mô hình tổ chức, bộ máy nhân sự, trình độ công nghệ, chính sách quản lý, thị trường và khách hàng. Đồng hành với DSC ông Bạch Quốc Vinh đã và đang đóng góp không nhỏ trong những bước tiến phát triển vượt bậc của công ty.



Ông Nguyễn Hữu Thịnh

Giám đốc Điều hành Kinh doanh

Ông Nguyễn Hữu Thịnh tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân, có hơn 15 năm kinh nghiệm trong ngành tư vấn đầu tư chứng khoán. Sau 02 năm đồng hành cùng DSC, ông Thịnh đã nhanh chóng xây dựng và phát triển Khối Tư vấn Chứng khoán với hơn 100 nhân sự đầy đặn kinh nghiệm ở 3 miền.



Ông Trần Minh Toàn

Giám đốc Khối Tài chính kế toán

Ông Trần Minh Toàn có 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán. Ông cũng là những nhân sự cấp cao đầu tiên xây dựng đội ngũ kinh doanh nguồn vốn và quan hệ kinh doanh với các định chế tài chính, giúp DSC mở rộng mảng kinh doanh tài chính.



Bà Nguyễn Thị Tú Anh

Giám đốc Khối Vận hành

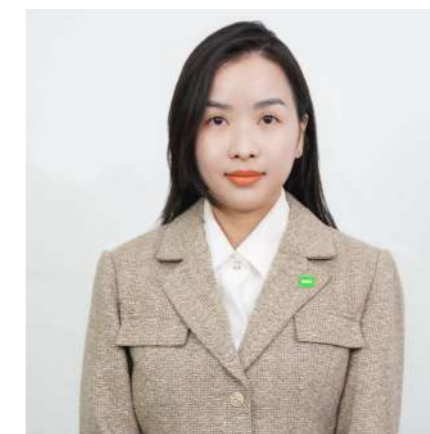
Bà Nguyễn Thị Tú Anh cử nhân Kế toán - Học viện Tài chính với hơn 25 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực Kế toán, Dịch vụ khách hàng, QTRR & KSNB tại các công ty chứng khoán lớn tại Việt Nam.



Ông Đỗ Tiến Hưng

Giám đốc Khối Công nghệ thông tin

Ông Đỗ Tiến Hưng có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT, đã từng đảm nhiệm vị trí quản lý ở các công ty lớn như TCBS, Vingroup... Bằng kinh nghiệm nhiều năm ông đã xây dựng hạ tầng, nền tảng công nghệ cho DSC từ những ngày đầu tiên. Ngoài ra, ông còn liên tục thực hiện các dự án CNTT với quy mô lớn giúp cải tiến quy trình nội bộ, gia tăng trải nghiệm khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ của công ty DSC.



Bà Nguyễn Thị Thảo

Giám đốc Marketing

Bà Nguyễn Thị Thảo tốt nghiệp thạc sĩ trường Columbia Southern University. Bà có gần 10 năm kinh nghiệm quản lý và phát triển mảng khách hàng số ở các công ty chứng khoán lớn như Công ty chứng khoán HSC, VPS. Bà phụ trách marketing, xây dựng hệ sinh thái Tư vấn số và phát triển khách hàng Tư vấn số tại DSC.



Ông Bùi Văn Huy

Giám đốc Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Ông Bùi Văn Huy - tốt nghiệp thạc sĩ tại trường Đại học Kinh tế TP. HCM. Ông cũng đang tham gia công tác giảng dạy về tài chính và đầu tư chứng khoán tại các trường Đại học. Ông Huy có hơn 10 năm kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Ông đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành công cụ phân tích chứng khoán trực tuyến cho nhà đầu tư cá nhân.



Ông Trương Thái Đạt

Giám đốc Khối Tư vấn số

Ông Trương Thái Đạt - có 10 năm kinh nghiệm trong mảng đầu tư và 7 năm trong lĩnh vực phân tích đầu tư. Với kinh nghiệm trong mảng phân tích kỹ thuật tài sản tài chính và xây dựng hệ thống giao dịch tự động, ông đóng vai trò phát triển và quản lý cấp cao các hệ thống định lượng và tư vấn số của DSC.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2023

Tổng quan nền kinh tế và thị trường chứng khoán năm 2023

Khu vực hoạt động

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Năm 2023, nền kinh tế Việt Nam đạt tăng trưởng 5,05%, cao hơn mục tiêu của chính phủ, và nhanh hơn so với tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế thế giới. Hiện nay, kinh tế Việt Nam đã có độ mở rất lớn và chịu ảnh hưởng từ diễn biến kinh tế của các đối tác lớn như Mỹ, EU hay Trung Quốc.

Trong năm 2024, kinh tế thế giới vẫn được dự báo sẽ hồi phục chậm. Cụ thể, theo dự phóng của các định chế tài chính lớn như IMF, World Bank, BlackRock, JPMorgan, v.v., tăng trưởng GDP của Mỹ, EU, và Trung Quốc cho năm 2024 sẽ lần lượt đạt 1,5%, 1,3%, và 5%, thấp hơn đáng kể so với tăng trưởng trung bình của các nước này trong 20 năm trở lại. Trong bối cảnh đó, nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ chỉ đạt mức tăng trưởng vừa phải 5 - 5,5% trong năm 2024.

2. Lãi suất

Trong giai đoạn năm 2022 - 2023, FED có đợt tăng lãi suất điều hành nhanh nhất trong vòng 40 năm trở lại để cải thiện tình trạng lạm phát tại quốc gia này. Để bảo vệ tỷ giá USD/VND và chống lạm phát từ nhập khẩu, NHNN cũng đã phải tăng lãi suất điều hành trong năm 2022, khiến chi phí lãi vay tăng cao, trở thành 1 vấn đề lớn của một số bộ phận doanh nghiệp.

Tuy nhiên, kể từ tháng 4/2023, Việt Nam đã đi ngược lại với thị trường quốc tế và bắt đầu cắt giảm lãi suất điều hành. Sau nhiều lần cắt giảm lãi suất, hiện lãi suất liên ngân hàng Việt Nam đã gần chạm về mức 0%, lãi suất huy động tại các NHTM cũng đã giảm xuống chỉ còn ~5,7%, thấp hơn cả giai đoạn COVID. Với việc FED đã dừng tăng lãi suất, sức mạnh đồng USD (chỉ số DXY) hạ nhiệt, rủi ro NHNN phải thắt chặt tiền tệ trở lại trong năm 2024 là rất thấp. Với lãi suất huy động đã giảm mạnh và rủi ro thắt chặt tiền tệ rất thấp, chúng tôi đánh giá lãi suất cho vay của các NHTM sẽ còn dư địa để tiếp tục cắt giảm lãi suất cho vay, đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng trong năm 2024.

3. Tỷ giá

Do đi ngược lại với chính sách tiền tệ thế giới, rủi ro mất giá tiền tệ cũng là một vấn đề được nhiều nhà đầu tư quan tâm trong năm 2023. Tuy nhiên, DSC đánh giá rủi ro tỷ giá hiện đã được cải thiện. Yếu tố quan trọng nhất cần quan sát khi đánh giá tỷ giá là chỉ số sức mạnh của đồng USD (DXY).

Có thể thấy, DXY hiện đã điều chỉnh giảm 10% so với giai đoạn đầu năm 2023, và giảm 5% so với giai đoạn đỉnh tháng 11/2023. Với tình hình lạm phát Mỹ đã cải thiện và FED dự phóng sẽ bắt đầu cắt giảm lãi suất trong năm 2024, DSC đánh giá DXY sẽ khó mà tăng mạnh trở lại. Tiếp đó, dòng tiền USD vào Việt Nam vẫn giữ được tăng trưởng tốt qua các kênh (1) tiền kiều hối, (2) FDI và (3) thặng dư thương mại. Với các yếu tố ủng hộ, DSC đánh giá rủi ro VNĐ mất giá trong năm 2024 là rất thấp.

4. Lạm phát

Lạm phát giai đoạn 2023 bùng nổ do 2 yếu tố: (1) Các ngân hàng trung ương (NHTW) nới lỏng tiền tệ quá mức và (2) sự đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu đẩy giá năng lượng và nguyên vật liệu đầu vào lên quá cao.

Trong năm 2024, cả 2 yếu tố này đã không còn. Hiện hầu hết các NHTW vẫn đang trong quá trình thắt chặt tiền tệ. Giá nguyên vật liệu cũng đã trở về mức bình ổn, tương đương giá giai đoạn trước COVID-19. Giá dầu thô Brent cũng đã trở về \$80/thùng từ vùng đỉnh \$122/thùng giữa năm 2022 dù các nước OPEC+ giữ sản lượng sản xuất ở mức thấp.

Tỷ giá USD/VND cũng được kỳ vọng sẽ bình ổn trong năm 2024, không gây ra tình trạng lạm phát từ nhập khẩu. Do đó, DSC đánh giá lạm phát Việt Nam năm 2024 sẽ có sự bình ổn và rủi ro bùng phát là rất thấp.

Thị trường chứng khoán

“Thị trường chứng khoán diễn biến giằng co, tuy nhiên nhìn chung xu hướng chủ đạo vẫn là phục hồi”

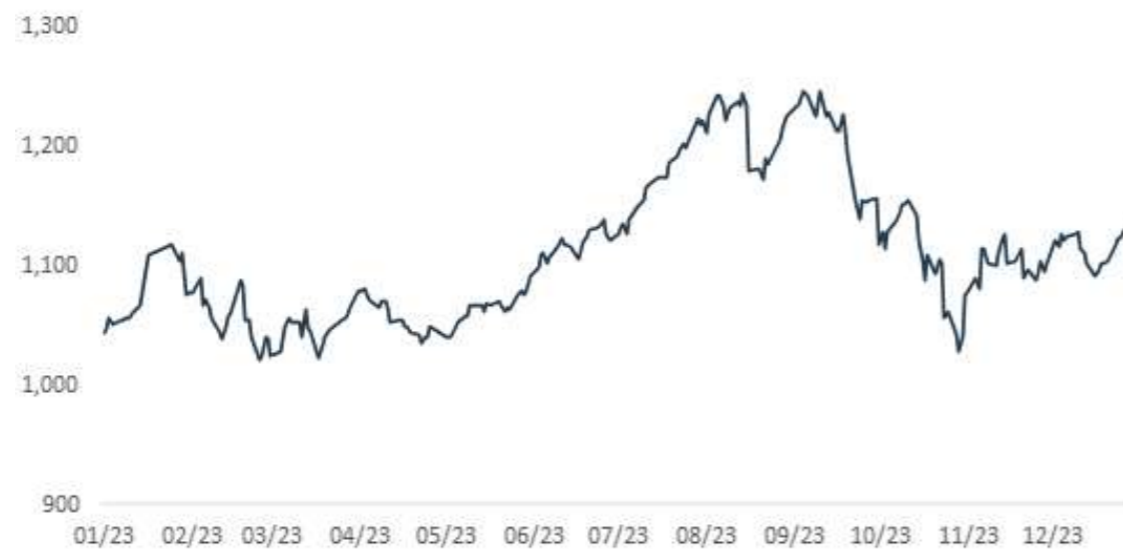
1. 2023: Đi qua giông bão

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã khép lại năm 2023 với những tín hiệu tích cực. Chỉ số VN Index tăng 12,2% kể từ đầu năm, lọt top các thị trường tăng mạnh nhất châu Á. Nhìn lại diễn biến năm qua, nhìn chung thị trường đang có xu hướng phục hồi tuy nhiên vẫn có sự giằng co trên đường đi lên. Sau giai đoạn tích lũy từ cuối 2022 đến T4/2023, VN Index đã có sự bứt phá mạnh mẽ, tăng hơn 20% từ T5-T8/2023 tiệm cận mức 1.250 điểm.

Yếu tố ảnh hưởng tích cực đến thị trường trong năm qua là chính sách tiền tệ nới lỏng được NHNN thực hiện với 4 lần cắt giảm mạnh lãi suất điều hành. Mặt bằng lãi suất xuống mức rất thấp là yếu tố hỗ trợ cho dòng tiền chảy vào TTCK. Tuy vậy, các yếu tố vĩ mô như tăng trưởng nền kinh tế trong nước phục hồi nhưng chậm hơn kỳ vọng, hoạt động kinh doanh còn nhiều khó khăn, sự bấp bênh của kinh tế thế giới và các biến động địa chính trị đã kìm hãm đà phục hồi của thị trường.

Biểu đồ 1: Diễn biến VN Index 2023

(Nguồn: FiinPro | Đơn vị: điểm)



2. Thanh khoản giảm, khối ngoại bán ròng

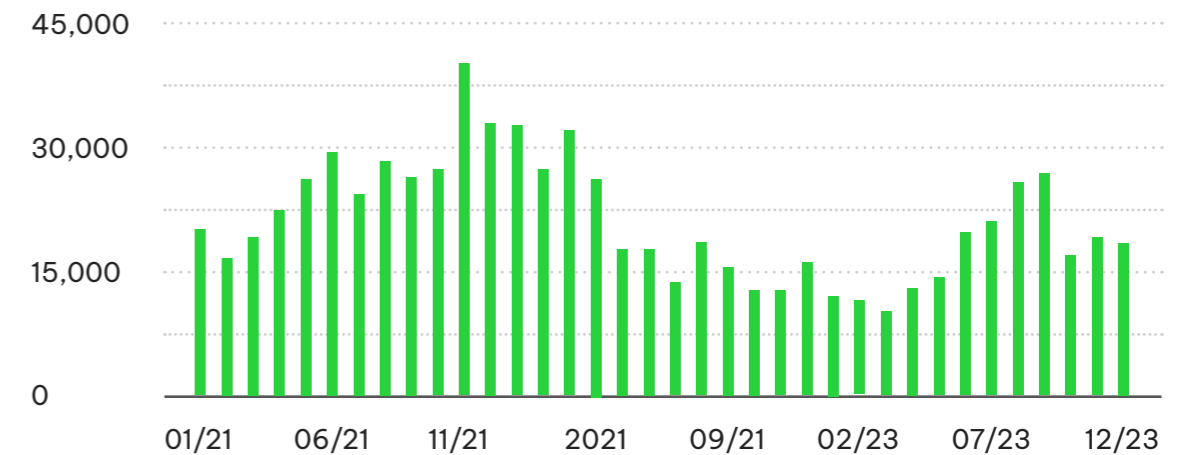
Năm 2023 là năm tiếp theo chúng ta chứng kiến sự suy giảm về thanh khoản của thị trường. Giá trị giao dịch bình quân hàng ngày toàn thị trường chỉ đạt 17.630 tỷ đồng, tương đương giảm 13% so với 2022. Dự nợ cho vay ký quỹ ước tính đạt 150.000 tỷ đồng, tăng 25% so với thời điểm cuối 2022.

Tổng giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài 2023 chiếm khoảng 7,8% tổng giao dịch toàn thị trường, cao hơn mức 7,4% của năm 2022. Đáng chú ý, khối ngoại đã liên tục bán ròng kể từ đầu năm với giá trị hơn 22.800 tỷ, trong đó chỉ riêng tháng 12 đã bán ròng hơn 10.000 tỷ đồng. Áp lực bán diễn ra trong bối cảnh có sự chênh lệch giữa lãi suất của Mỹ và Việt Nam đi cùng với tỷ giá đồng USD tăng. Ngoài ra, 2023 cũng là năm một số quỹ ETF lớn bị rút vốn mạnh, điển hình như DCVFM VNDiamond (3.700 tỷ), SSIAM VN-FIN Lead (1.900 tỷ),...

Trong khi khối ngoại có xu hướng bán ròng, dòng tiền cá nhân từ các nhà đầu tư trong nước đã trở thành động lực chính giúp thị trường phục hồi. Tuy vậy, các biến động địa chính trị trên thế giới, vấn đề trái phiếu doanh nghiệp và rủi ro từ nhóm Vạn Thịnh Phát đã khiến tâm lý nhà đầu tư trở nên thận trọng hơn trong quý 4.

Quy mô vốn hóa thị trường chứng khoán thời điểm cuối năm đạt gần 6 triệu tỷ đồng, tương đương 56,4% GDP. Như vậy, hiện nay quy mô vốn hóa thị trường mới chỉ bằng hơn một nửa con số mục tiêu mà Chính phủ đặt ra là 100% GDP vào năm 2025.

Biểu đồ 2: Giá trị giao dịch bình quân hàng ngày (Nguồn FiinPro, DSC tổng hợp)





Củng cố nội lực
Vững bước thành công

Báo cáo kết quả hoạt động

Tình hình tài chính

Thay đổi trong cơ cấu tài sản

	Đơn vị	2023	2022	Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	Triệu VNĐ	4,083,141	2,371,155	72%
Tài sản dài hạn	Triệu VNĐ	39,507	38,179	3%
Tổng tài sản	Triệu VNĐ	4,122,648	2,409,334	71%
Nợ phải trả dài hạn	Triệu VNĐ	1,133	0	
Nợ phải trả	Triệu VNĐ	1,888,854	1,343,846	41%
Vốn chủ sở hữu	Triệu VNĐ	2,233,794	1,065,488	110%
Tổng tài sản	Triệu VNĐ	4,122,648	2,409,334	71%

Nguồn: DSC.

Hoạt động cho vay ký quỹ cũng gia tăng tích cực so với năm 2022. Dư nợ cho vay margin tại thời điểm 31/12/2023 tăng 49% so với đầu năm. Dư nợ cho vay margin tăng cao xuất phát từ tâm lý nhà đầu tư cá nhân trong nước đã tích cực hơn trong bối cảnh lãi suất giảm, chứng khoán trở thành kênh đầu tư hấp dẫn so với ngân hàng. Cùng với những chính sách cho vay kích cầu giao dịch của DSC. Bên cạnh đó, DSC vẫn duy trì được chính sách quản lý rủi ro chặt chẽ, dự báo sớm và xử lý kịp thời những thời điểm thị trường dao động mạnh ảnh hưởng tới khách hàng. Năm 2023 tiếp tục là một năm không phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn, hoạt động cho vay được thúc đẩy với các chính sách cho vay linh hoạt, đáp ứng mọi nhu cầu vốn giao dịch của khách hàng.

Sau khi tăng vốn, cơ cấu nguồn vốn của DSC hiện nay chủ yếu bao gồm Vốn chủ sở hữu và nợ vay ngắn hạn. Công ty chưa có các nguồn huy động từ trái phiếu mà chủ yếu là vay ngân hàng với lãi suất tương đối thấp, do đó có thể thấy rằng **DSC còn rất nhiều dư địa để huy động vốn đặc biệt là kênh trái phiếu và cổ phiếu.**

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2023 là 1,889 tỷ VNĐ, tăng 41% so với cùng kỳ năm trước. Nguồn vốn vay tăng nhưng DSC vẫn tiếp tục đảm bảo thanh khoản ở mức cao, không phát sinh sự cố rủi ro nào và không để phát sinh chậm nợ với ngân hàng. Hình thức vay cũng đa dạng hóa, linh hoạt tối đa. Việc cân đối kỳ hạn các khoản vay khác nhau luôn đảm bảo có lợi nhất về lãi suất trên cơ sở dự đoán đúng xu hướng biến động của thị trường. Việc cân đối kỳ hạn giữ các nguồn vay và tài sản cũng được tối ưu hóa không chỉ về thanh khoản mà cả lãi suất.

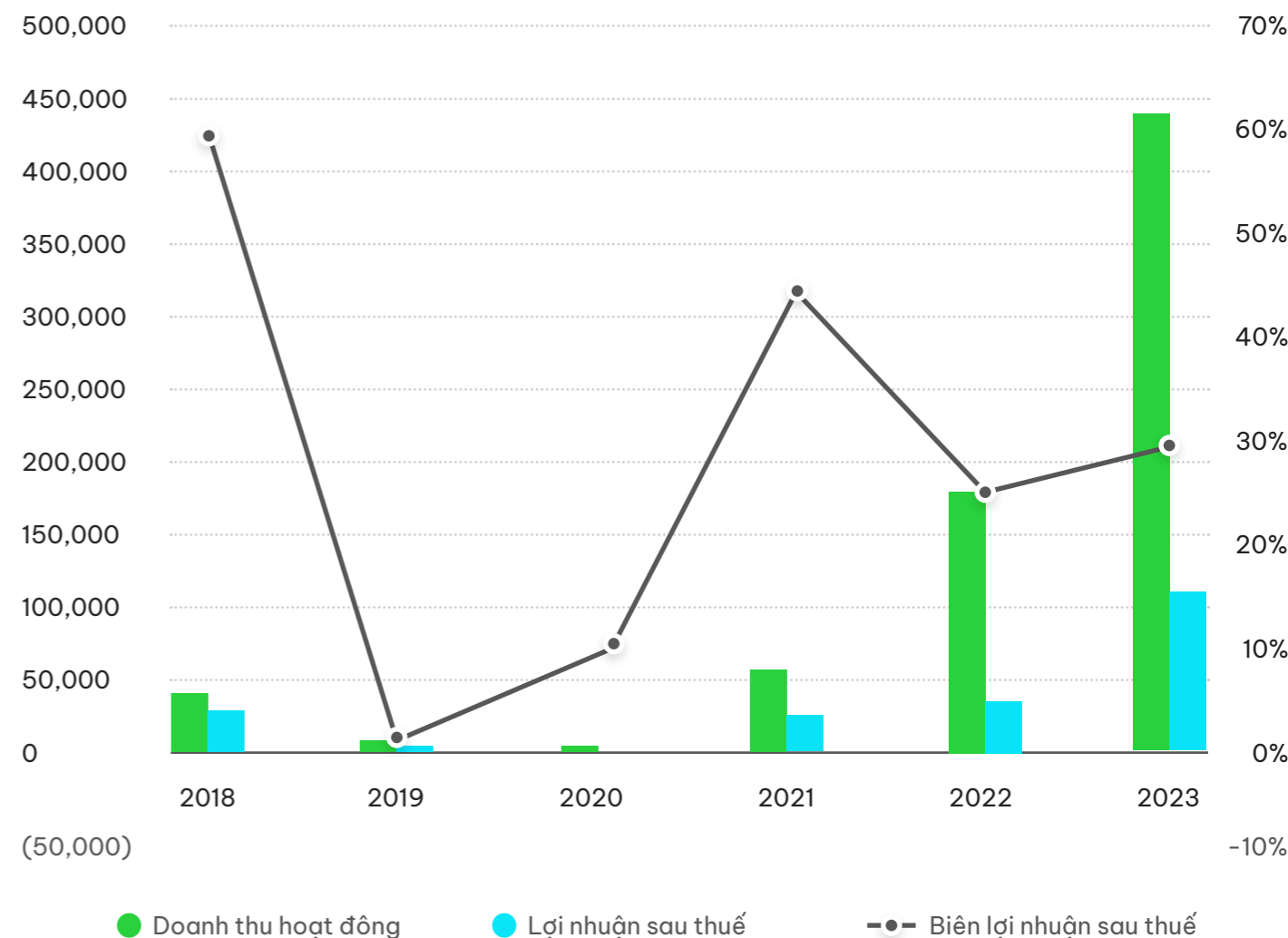
Kết quả kinh doanh

Trải qua hơn 20 năm thăng trầm và chứng kiến những biến động của TTCK, DSC kiên định đi theo hướng đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ thuộc các mảng kinh doanh chính bao gồm Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân và Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức (môi giới, lưu ký, tư vấn đầu tư).

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (tư vấn tài chính cho khách hàng doanh nghiệp), Đầu tư, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính, nhằm cung cấp cho Khách hàng trọn gói dịch vụ, giúp cho Khách hàng có thể tối ưu hóa vốn đầu tư và linh hoạt kinh doanh.

Công ty tiếp tục dành nhiều nguồn lực nghiên cứu, phát triển đa dạng các sản phẩm để cung cấp tới nhà đầu tư, xây dựng và cải tiến hệ thống công nghệ thông tin song song với nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự nhằm sẵn sàng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng.

Kết quả kinh doanh giai đoạn 2018 - 2023



Kết quả kinh doanh so với năm trước

Chỉ tiêu	Đơn vị	2023	2022	Thay đổi
Doanh thu hoạt động	Triệu VNĐ	438.447	166.860	163%
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	Triệu VNĐ	148,026	45,354	226%
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	Triệu VNĐ	17,907	46,937	-62%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	Triệu VNĐ	135,357	47,640	184%
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	Triệu VNĐ	0	0	-
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	Triệu VNĐ	103,914	25,931	301%
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	Triệu VNĐ	0	100	-
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	Triệu VNĐ	27,640	0	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	Triệu VNĐ	2,224	796	179%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	Triệu VNĐ	3,168	100	3068%
Doanh thu hoạt động khác	Triệu VNĐ	212	2	10697%
Chi phí hoạt động	Triệu VNĐ	151,347	50,683	199%
Lợi nhuận gộp hoạt động	Triệu VNĐ	287,100	116,177	147%
Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu VNĐ	2,315	644	259%
Chi phí hoạt động tài chính	Triệu VNĐ	100,847	42,154	139%
Chi phí quản lý	Triệu VNĐ	38,402	32,110	20%
Lợi nhuận khác	Triệu VNĐ	(0)	-161	-100%
Tổng LN kế toán trước thuế	Triệu VNĐ	150,166	42,396	254%
Chi phí thuế TNDN	Triệu VNĐ	30,249	8,949	238%
LN kế toán sau thuế	Triệu VNĐ	119,917	33,447	259%

Mức độ hoàn thành kế hoạch năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2023	KH 2023	Thay đổi
Doanh thu hoạt động	Triệu VNĐ	438,447	280,744	56%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu VNĐ	119,917	76,961	56%

➤ Kết thúc năm 2023, doanh thu hoạt động đạt giá trị **438 tỷ đồng, tăng 56%** so với kế hoạch đề ra. Trong đó, lãi ghi nhận từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL); lãi từ các khoản cho vay và phải thu; doanh thu nghiệp vụ môi giới đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước và mang lại doanh thu chính khi chiếm lần lượt 34%; 31% và 24% cơ cấu doanh thu hoạt động. Nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp cũng tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, chiếm hơn 6% cơ cấu doanh thu hoạt động.

➤ Để đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, sự tăng trưởng của doanh thu luôn đi cùng với tăng trưởng chi phí. Trong đó, chi phí hoạt động và chi phí quản lý tăng lần lượt là 199%, và 20% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí tài chính tăng 139% so với đầu năm, nguyên nhân là do công ty tăng các khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh.

➤ **Lợi nhuận sau thuế đạt 119,9 tỷ đồng, tăng 259% so với cùng kỳ năm trước và vượt 56% so với kế hoạch năm.**



Các chỉ số tài chính quan trọng

Chỉ số tài chính	Đơn vị	2023	2022
Chỉ số về khả năng thanh toán			
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	Lần	2,16	1,76
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,16	1,76
Chỉ số về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	Lần	0,46	0,56
Hệ số Nợ phải trả / Vốn CSH	Lần	0,85	1,26
Chỉ số về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,11	0,08
Chỉ số về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	27,4%	20,0%
Hệ số LNST/ Vốn CSH	%	5,4%	3,1%
Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	2,9%	1,4%
Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	34,2%	25,5%

➤ **Các chỉ số về khả năng thanh toán** đã tăng lên hơn 2. Mức chỉ số tương đương 2,16 lần cho thấy DSC đã sử dụng nguồn lực ngắn hạn triệt để hơn so với cùng kỳ năm trước, đồng thời vẫn giữ vững khả năng thanh khoản cao và an toàn, sẵn sàng tiếp cận những cơ hội đầu tư ngắn hạn cũng như chi trả các chi phí tài chính cần thiết khi đến hạn;

➤ **Tỷ lệ công nợ** giảm so với cùng kỳ năm trước, với hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản chỉ ở mức 0,46 lần và Hệ số Nợ phải trả / Vốn CSH chỉ ở mức 0,85 lần. Mặc dù mức nợ vay tăng (chủ yếu là nợ ngắn hạn), song áp lực trả nợ của DSC là không lớn do khả năng thanh toán ổn định với lượng tài sản ngắn hạn, thanh khoản cao dồi dào.

➤ **Về năng lực hoạt động:** Chỉ số vòng quay tổng tài sản tăng so với năm trước ở mức 0,11 cho thấy DSC đã sử dụng nguồn vốn hiệu quả hơn trong hoạt động kinh doanh.

➤ **Khả năng sinh lời** duy trì ở mức cao. Trong năm 2023, khi tình hình kinh tế vượt qua được khủng hoảng và TTCK tăng trưởng trở lại, cùng với các chính sách, các gói sản phẩm mới sắp ra mắt, nhiều tín hiệu tích cực cho thấy các chỉ số này sẽ tiếp tục tăng trưởng tích cực trong các năm sau đó.



Báo cáo kết quả hoạt động các khối

1. Khối vận hành

Với định hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, năm 2023 DSC đã tập trung cải thiện nhiều tính năng, giao diện (app/web trading) thân thiện để sử dụng hơn cho người dùng, bổ sung các tiện ích giúp khách hàng giao dịch được thuận lợi, nhanh chóng. Hệ thống Core sau 1 năm đi vào vận hành ổn định đã đảm bảo việc xử lý dữ liệu chính xác, tốc độ xử lý lệnh thuộc топ đầu thị trường giúp nhà đầu tư hoàn toàn yên tâm, tin tưởng khi giao dịch tại DSC.

Tính năng mở tài khoản **eKYC (định danh khách hàng điện tử) kết hợp e-Signature (Chữ ký điện tử)** tiếp tục được đánh giá là 1 tính năng dịch vụ vượt trội, ưu việt của DSC. Tỷ lệ khách hàng mở tài khoản qua EKYC đạt trên 95%/tổng số tài khoản mở mới trong năm 2023.

Quý 2/2023 DSC thực hiện điều chỉnh chính sách cho vay giao dịch ký quỹ: Áp dụng miễn lãi T0 cho tất cả các khoản vay đã được giải ngân của khách hàng. Đây là một chính sách hỗ trợ hiệu quả đối với các khách hàng sử dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ, giúp tối ưu chi phí, tăng vòng quay vốn và sử dụng hiệu quả tiền vốn đầu tư.

Trong quý 4/2023 DSC đã nâng cấp các dịch vụ tư vấn, chăm sóc khách hàng từ trực tiếp sang tự động hóa thông qua việc đào tạo và đưa vào hoạt động CHATBOT AI thông minh.

Sở hữu đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao và dày dặn kinh nghiệm thị trường, DSC luôn sẵn sàng và chuẩn bị những điều kiện phù hợp để có thể cung cấp dịch vụ tốt nhất và các giải pháp kinh doanh cho khách hàng với sự cẩn trọng, chuyên nghiệp và trách nhiệm cao nhất.



2. Khối Công nghệ thông tin

DSC luôn chú trọng quan tâm, đầu tư mạnh mẽ về hạ tầng và công nghệ ứng dụng với nhiệm vụ cốt lõi là chuyển đổi số đối với hoạt động vận hành, kinh doanh, quản trị. Trong năm 2023 các dự án CNTT tiếp tục được triển khai và đã hoàn tất các dự án đầu tư nâng cấp mở rộng hạ tầng CNTT sẵn có. Trong đó, hạ tầng phục vụ hệ thống Core giao dịch đã được tiếp tục nâng cấp tăng gấp nhiều lần về năng lực xử lý; các hệ thống về máy chủ, network, security khác đều được đầu tư đảm bảo cập nhật công nghệ mới, tính dự phòng và mở rộng cho toàn hệ thống.

Cũng trong năm 2023 DSC đã thực hiện chuyển thành công toàn bộ hệ thống máy chủ, thiết bị lưu trữ và hạ tầng CNTT về tại IDC VNPT đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế đảm bảo hoạt động ổn định và liên tục.

DSC đã thành lập đội ngũ Phát triển ứng dụng nhằm tăng tính chủ động trong việc xây dựng các ứng dụng phù hợp với yêu cầu chuyên biệt hóa của khách hàng và nghiệp vụ phát sinh. Đã áp dụng phương pháp làm việc linh hoạt (agile), kiến trúc ứng dụng mới (microservice), vận hành DevOps tự động hóa việc triển khai để có thể phát triển tính năng mới và nâng cấp các ứng dụng một cách nhanh chóng và hiệu quả. Các hệ thống đã và đang thực hiện triển khai:

- **Hệ sinh thái Tư vấn số** cho khách hàng với các sản phẩm WeTrade, WeDemo, WeClub
- **DSC chú trọng xây dựng những công cụ tiện ích** giúp cán bộ nhân viên quản lý khách hàng và hoạt động vận hành nhằm tăng hiệu quả, chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa thời gian. Trong đó, TradePro Platform và E-Service Platform được phát triển trở thành hệ sinh thái nền tảng cho đội ngũ kinh doanh làm việc, kiện toàn và phát triển toàn bộ công cụ và nền tảng thông tin tri thức hỗ trợ đội ngũ chuyên gia tư vấn trong quá trình khởi nghiệp, phát triển năng lực tư vấn khách hàng và công cụ quản lý khách hàng để đảm bảo chất lượng cung cấp dịch vụ

Với sự bùng nổ của dữ liệu trong thời đại số hóa, DSC đã thành lập đội ngũ Quản trị dữ liệu chuyên nghiệp và triển khai thành công hệ thống Data Warehouse (DWH). Hệ thống cho phép xây dựng các báo cáo đa chiều theo nhiều tiêu chí khác nhau, phục vụ cho các hoạt động quản trị, giám sát và vận hành của công ty.

Bên cạnh đó, DWH service cũng được triển khai thành công, cung cấp dịch vụ tính toán dữ liệu mạnh mẽ và chính xác để cung cấp dữ liệu cho các hệ thống; phần mềm khác phục vụ nội bộ và khách hàng.

3. Khối khách hàng cá nhân

Năm 2023 là năm khối Tư vấn đầu tư của DSC bắt đầu có những dấu ấn rõ nét của mình trên thị trường chứng khoán, đóng góp đáng kể vào doanh thu phí môi giới và dư nợ cho vay ký quỹ của toàn công ty.

Kênh phân phối tiếp tục được củng cố về số lượng và chất lượng với ba địa bàn hoạt động là Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Nhân sự của khối khách hàng cá nhân DSC hầu hết có kinh nghiệm lâu năm và được đánh giá cao trên thị trường.

Khối Tư vấn đầu tư đã cùng đồng hành, tạo thêm giá trị cho nhà đầu tư bằng những sản phẩm phù hợp của DSC, cùng khách hàng vượt qua những giai đoạn khó khăn nhất của thị trường 2 năm vừa qua.

Năm 2024 tiếp tục sẽ là một năm đầy thách thức nhưng được đánh giá là nhiều cơ hội với triển vọng phục hồi của nền kinh tế và kỳ vọng vào câu chuyện nâng hạng. Khi KRX được đưa vào vận hành chính thức, thanh khoản thị trường cũng chắc chắn sẽ được gia tăng, cùng với đó là những sản phẩm mới được triển khai.



4. Hoạt động Quản trị rủi ro

Công tác kiểm tra, kiểm soát và quản trị rủi ro của DSC chú trọng thực hiện, đáp ứng các yêu cầu của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn cho từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh, cụ thể:

Xây dựng cơ cấu tổ chức

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro theo mô hình ba lớp trong quản trị bao gồm:

- **Lớp thứ nhất** là các bộ phận thực hiện nhiệm vụ kinh doanh/ nghiệp vụ;
- **Lớp thứ hai** là các bộ phận thực hiện chức năng kiểm soát, tuân thủ, pháp chế và quản trị rủi ro;
- **Lớp thứ ba** là bộ phận kiểm soát trực thuộc Hội đồng Quản trị.

Hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ

- Sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định trong lĩnh vực kiểm tra, kiểm soát và quản trị rủi ro gồm: Quy định quản lý rủi ro trong Công ty; Quy trình quản lý rủi ro về hoạt động cho vay trong giao dịch chứng khoán; Quy định về kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm phát hiện, nhận diện sớm rủi ro và nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro.

Triển khai các hoạt động kiểm soát tuân thủ

- DSC đã triển khai các chương trình kiểm tra, kiểm soát hoạt động kinh doanh của các đơn vị và hoạt động của các nghiệp vụ theo kế hoạch, chuyên đề được phê duyệt định kỳ hàng năm và đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

QTRR trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ

- DSC đã xây dựng bộ nguyên tắc để lựa chọn các cổ phiếu đạt tiêu chuẩn cho vay giao dịch ký quỹ nhằm đảm bảo quản trị rủi ro trước khi cho vay đối với hoạt động giao dịch ký quỹ.
- Tăng cường công tác quản trị sau cho vay bằng cách xây dựng các công cụ tự động hóa trong việc nhận biết rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2024

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2024

Phân tích nhận định thị trường



“Khởi động 2024 tích cực từ thị trường thế giới...”

TTCK Việt Nam và TTCK Thế giới có độ tương quan nhất định. Điều này có thể được nhìn thấy rõ nhất qua giai đoạn 3 quý đầu năm 2022 khi hầu hết các thị trường chứng khoán trên thế giới đều xảy ra bán tháo, và có mức giảm điểm tương đồng. Trong điều kiện “bình thường” hơn, TTCK Việt Nam cũng có mức tương quan cao ~0,6 - 0,7 (tối đa 1) với các TTCK Mỹ và Hàn Quốc.

Đến nay, với việc FED đã dừng hạ lãi suất, và triển vọng hạ cánh mềm tại Mỹ ngày càng trở nên khả thi, xu hướng tại nhiều TTCK thế giới đã chuyển sang pha tích cực.

Cụ thể hơn, tại Mỹ, chỉ số SP500 cũng đã ngấp nghé để vượt đỉnh thời đại. **DSC đánh giá liên thị trường đang tiếp tục trong khu vực tích cực**, đặc biệt là tín hiệu từ những thị trường có độ tương quan cao với Việt Nam như Mỹ và Hàn Quốc. Đây sẽ là nền tảng quan trọng hỗ trợ cho VNIndex khởi động thuận lợi từ đầu năm 2024.



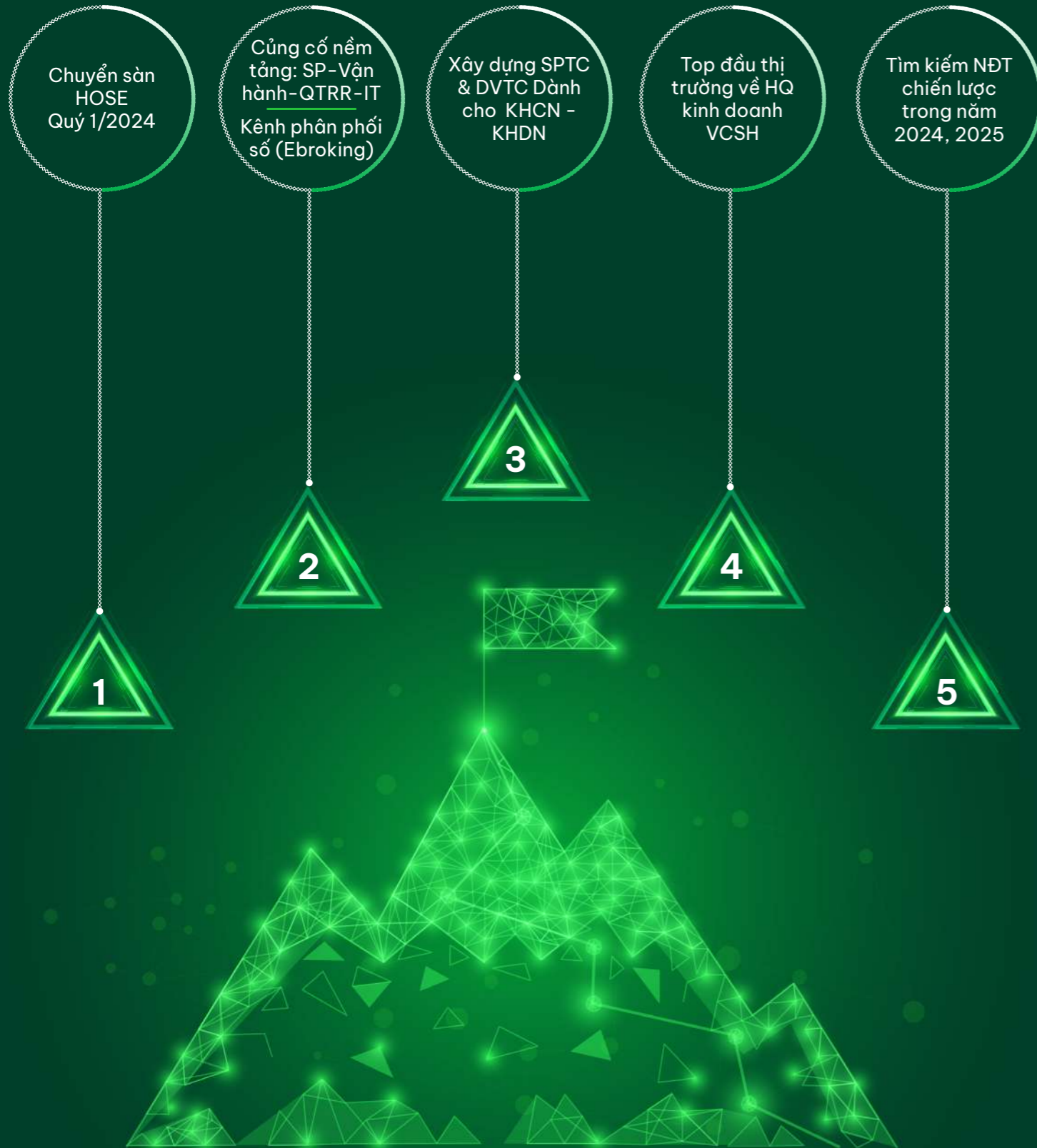
“... và mở ra dư địa tăng trưởng mới khi rủi ro trong nước được giảm thiểu”

Trong nước, những lo ngại từ đầu năm về (1) lạm phát, hay tăng trưởng điều chỉnh trong năm 2024, kỳ vọng (1) rủi ro xu hướng thị trường thấp (2) thị trường trái phiếu đã dần có lời giải. Nhiều chính sách cũng đã được ban hành để hỗ trợ hết mức cho nền kinh tế. Trên TTCK, 2023 còn là khoảng nghỉ quan trọng với tâm lý NĐT và quãng thời gian tích lũy cần thiết cho mặt bằng giá cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu có xu hướng trung-dài hạn tích cực (có giá nằm trên MA200) trên HSX đã tăng từ mức 12,5% của đầu 2023 lên mức 53,6% tại thời điểm đầu 2024.

Trong năm 2024, kỳ vọng (1) rủi ro xu hướng thị trường thấp hơn một phần, (2) nội tại doanh nghiệp cải thiện và (3) kỳ vọng về hệ thống KRX đi vào hoạt động, thúc đẩy trong tiến trình nâng hạng sẽ là nền tảng hỗ trợ đưa thị trường lên một mức nền mới cao hơn năm cũ. **Theo đó, DSC kỳ vọng chỉ số VNIndex năm 2024 sẽ giữ vững vùng 1.100 điểm, và tiến tới mức mục tiêu 1.300 điểm.**

Kế hoạch hoạt động 2024



Hoạt động Quản trị - Vận Hành



1. Quản trị ngân sách và Kinh doanh nguồn vốn

Quản trị chi phí theo Ngân sách phê duyệt
 Tìm kiếm đối tác là các Ngân hàng, Tổ chức tín dụng để tăng quy mô tài sản và nguồn vốn cho nhà đầu tư

2. Hệ thống CN/PGD

CN Đà Nẵng, CN HCM, PGD Hàm Long
 Kế hoạch chuyển CN Đà Nẵng về Tòa PGB;
 Chuyển PGD Hàm Long về tòa Trần Hưng Đạo

3. Sản phẩm dịch vụ

Đa dạng phân khúc vay khách hàng cá nhân
 Phòng phát triển SP KHCN

4. QTRR & Tuân thủ

XD bộ Khẩu vị rủi ro toàn công ty
 XD Khung QTRR được HĐQT phê duyệt
 XD Bộ tiêu chí cho vay
 XD Dashboard QTRR sau khi vay

5. CNTT

Vận hành ổn định
 Bám sát tiến độ KRX UBCK
 Tăng cường quản trị đảm bảo ATTT
 Xây dựng nền tảng Tư vấn số

6. Quản trị Nhân sự

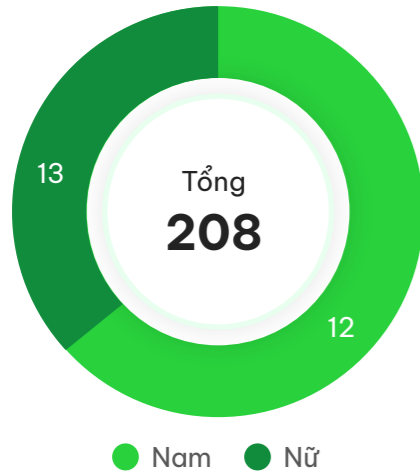
Phần mềm quản trị nhân sự
 Số hóa hoạt động nhân sự môi giới

Phát triển nguồn nhân lực DSC

Tổng số cán bộ, nhân viên trên toàn hệ thống của DSC (Bao gồm Hội sở, 02 chi nhánh, 01 Phòng giao dịch) tính đến 31/12/2023 là 208 người.

➤ Nhân sự theo giới tính:

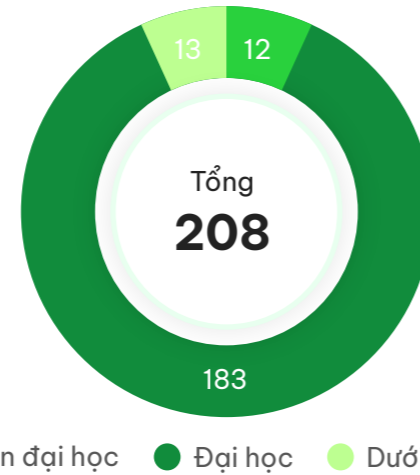
- + Nam: 126 người
- + Nữ: 82 người



Tỷ lệ nhân sự theo giới tính trong công ty trên toàn quốc

➤ Nhân sự theo trình độ học vấn:

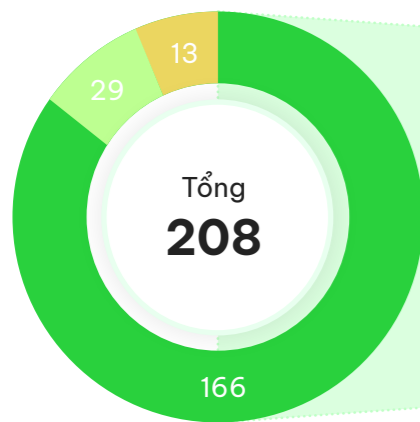
- + Trên đại học: 12 người
- + Đại học: 183 người
- + Dưới đại học: 13 người



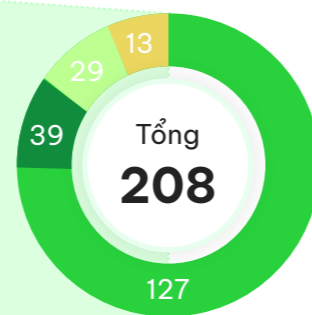
Tỷ lệ nhân sự theo trình độ học vấn

➤ Nhân sự theo khu vực địa lý:

- + Miền Bắc: 166 người
- + Hội sở: 127 người
- + PGD Hàm Long: 39 người
- + Miền Trung: 13 người
- + Miền Nam: 29 người



Tỷ lệ nhân sự theo khu vực địa lý



Hoạt động nhân sự

Tuyển dụng nhân sự đáp ứng nhu cầu công việc và phù hợp với văn hóa công ty:

DSC tuyển dụng nhân sự trên cơ sở kế hoạch tuyển dụng hàng năm được BTGD phê duyệt. Kế hoạch tuyển dụng được xây dựng trên cơ sở đề xuất của các phòng ban căn cứ vào kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và mục tiêu phát triển hàng năm.

Việc tuyển dụng nhân sự triển khai qua nhiều kênh khác nhau như website Công ty, qua các tổ chức tuyển dụng chuyên nghiệp. Ngoài ra, DSC đã kết nối xây dựng nguồn tuyển dụng với các trường đại học, các trung tâm đào tạo CFA để đón đầu, lựa chọn các ứng viên tiềm năng. Tất cả các nhân sự ứng tuyển đều phải trải qua một số vòng phỏng vấn nhằm lựa chọn những ứng viên có kinh nghiệm và phù hợp với chiến lược kinh doanh và văn hóa công ty.

Chế độ Lương, thưởng hấp dẫn:

Quy chế lương, thưởng của Công ty được ban hành dựa trên nguyên tắc thỏa thuận đảm bảo mức thu nhập theo đúng năng lực, hiệu quả công việc của người lao động và phù hợp với thị trường lao động, tạo động lực nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm công việc của Người lao động.

Thu nhập của Người lao động tại DSC là thu nhập thuần hàng tháng. Cán bộ, nhân viên của Công ty được trả lương 01 lần/tháng. Công ty trích nộp các khoản Thuế TNCN, BHXH, BHTN, BHYT cho người lao động trước khi trả thu nhập cho người lao động theo đúng quy định pháp luật và Công ty.

Môi trường làm việc:

Công ty luôn đảm bảo các điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ, nhân viên. Trụ sở làm việc và văn phòng chi nhánh được thiết kế khang trang, thoáng mát, trang bị máy tính cá nhân và các công cụ làm việc khác đầy đủ, tạo cảm giác thoải mái, tiện nghi nhất cho người lao động.

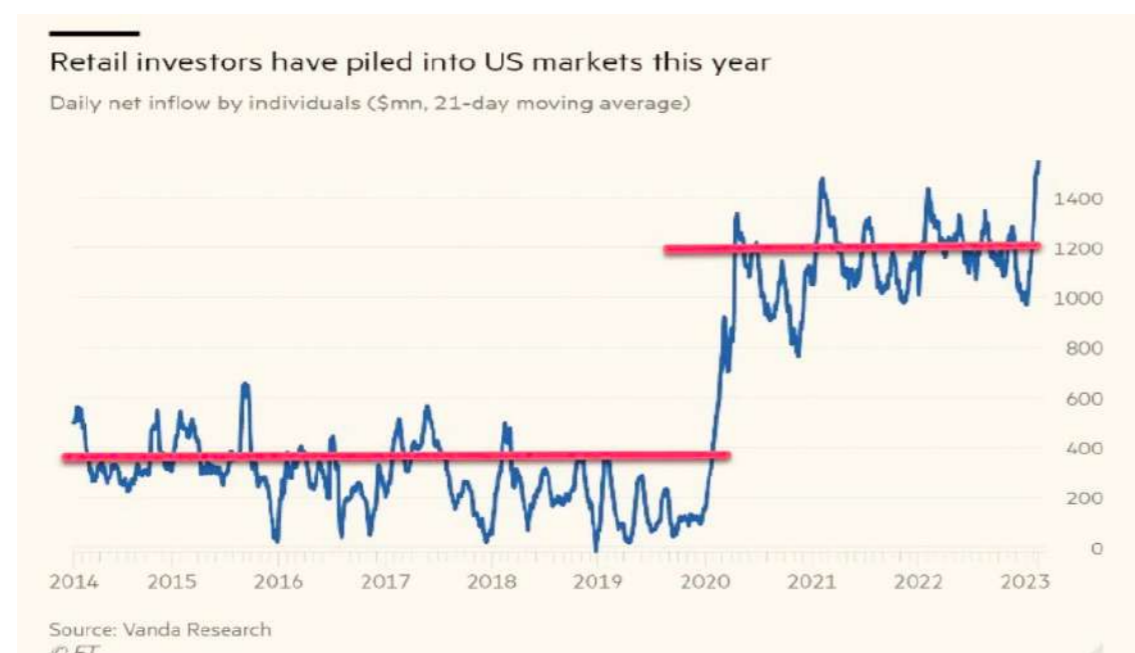


Phát triển Công nghệ - Sản phẩm - Khách hàng

“Dòng tiền cá nhân đang thay đổi thế giới đầu tư...”

Ngành môi giới chứng khoán toàn cầu đã chứng kiến những thay đổi có tính chất cách mạng trong 5 năm qua. Cũng như thị trường Việt Nam, đại dịch Covid-19 là chất xúc tác quan trọng đẩy dòng tiền của NĐT cá nhân vào thị trường chứng khoán và nâng tầm của nhóm NĐT “nhỏ lẻ” lên một vị thế mới. Ở giai đoạn đỉnh điểm, dòng tiền cá nhân đổ vào thị trường Mỹ lên tới 32 tỷ USD trong 3 tuần, so với mức chỉ 3 tỷ USD của 2 năm trước đó.

Với vai trò ngày càng quan trọng của nhà đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán, mang theo đó là những sự thay đổi lên thị trường đầu tư, doanh nghiệp trên sàn và cả những định chế tài chính lớn trên toàn cầu.



Dòng tiền ròng của NĐT cá nhân hàng ngày vào thị trường Mỹ.

Nguồn: Vanda Research

Các doanh nghiệp môi giới chứng khoán liên tục cải tiến mô hình kinh doanh, thúc đẩy xu hướng môi giới số (E-broking), tự làm mới để hấp dẫn nhóm NĐT cá nhân.

Tác động tới TTCK là không hề nhỏ:

- ▶ Quản trị doanh nghiệp: Theo IR Magazine, lứa tuổi millennials (sinh năm 1981 đến 1996) có tỷ lệ thực hiện quyền biểu quyết cao nhất.
- ▶ Phát triển bền vững: Nhà đầu tư thường đầu tư những cổ phiếu mà họ hiểu định hướng phát triển lâu dài và có chung niềm tin về phát triển môi trường và xã hội. 51% nhà đầu tư Mỹ cho rằng ESG có ảnh hưởng tới quyết định đầu tư của họ, cao hơn 25% so với năm 2003. Trong khi đó 82% nhà đầu tư quan tâm đến việc đầu tư vào những doanh nghiệp có
- ▶ Thay đổi tới thị trường: Kể từ 2019, những cổ phiếu được mua ròng bởi NĐT cá nhân có hiệu suất đầu tư tốt hơn Russell 3000 và ngược lại. (Theo S&P Global)

“DSC đón sóng Tư vấn số, khởi đầu từ nền tảng truyền thông...”

DSC khởi động cuộc đua môi giới số với sự thành lập của khối Tư vấn số từ đầu năm 2023. Mục tiêu của khối Tư vấn số là tìm kiếm tệp khách hàng trung thành dựa trên nền tảng công nghệ và nhân sự chất lượng.

Nắm bắt xu thế đầu tư với các KOLs(Key Opinion Leaders) của toàn cầu, đội ngũ nhân sự Tư vấn số gồm các chuyên gia có tên tuổi trên thị trường và có mặt trên Youtube, Facebook, và trang chủ DSC.

Trong cuộc đua công nghệ, khối Tư vấn số đang phát triển các nền tảng riêng gồm: công cụ Tư vấn tự động WeTrade, mạng xã hội đầu tư WeClub, nền tảng giao dịch ảo WeDemo, hệ sinh thái học đầu tư WeLearn.

Phát triển hoạt động Marketing

Phát triển hoạt động Marketing

Với sự phát triển vô cùng mạnh mẽ của thương mại điện tử, khách hàng có thể dễ dàng truy cập các công cụ tìm kiếm để so sánh sản phẩm, dịch vụ của các nhà cung cấp. Nắm bắt xu hướng thay đổi hành vi của khách hàng ngày nay, chúng tôi tập trung vào phát triển các hoạt động marketing trên môi trường trực tuyến, vượt qua các rào cản về địa lý và thời gian để tiếp cận khách hàng.

Tăng cường nhận diện thương hiệu DSC

Định vị DSC là công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chất lượng hàng đầu thị trường. Đồng thời quảng bá hệ sinh thái tư vấn số được xây dựng và phát triển để hỗ trợ xuyên suốt hành trình đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư cá nhân:

- ▶ WeLearn: Nơi chia sẻ kiến thức đầu tư chứng khoán từ cơ bản đến nâng cao;
- ▶ WeDemo: Nơi thử nghiệm đầu tư chiến lược giao dịch trước khi đi vào đầu tư thực tế;
- ▶ WeClub: Nơi tập hợp các chuyên gia và các nhà đầu tư chứng khoán, chia sẻ kinh nghiệm và tư vấn đầu tư chất lượng;
- ▶ WeTrade: Cung cấp công cụ giúp tinh giản hóa hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán.

Thu hút khách hàng mới và mở rộng thị phần

Triển khai đa dạng các chiến lược digital marketing để thu hút khách hàng đa kênh:

- ▶ Chiến lược nội dung chất lượng, tập trung xây dựng nội dung hữu ích để đồng hành cùng khách hàng từ giai đoạn mới tìm hiểu thị trường đến khi gia nhập thị trường và nâng cao năng lực đầu tư;
- ▶ Chiến lược SEO tối ưu hóa công cụ tìm kiếm Google;
- ▶ Chiến lược phát triển các kênh mạng xã hội;
- ▶ Chiến lược quảng cáo Google, Tiktok, Youtube, Facebook...;
- ▶ Chiến lược email marketing, telesales...

Đồng thời, Công ty vẫn duy trì các hoạt động marketing truyền thống nhằm gia tăng cơ hội tiếp cận và thu hút khách hàng.

- ▶ Xây dựng liên kết với các đối tác chiến lược và tổ chức sự kiện để mở rộng tầm ảnh hưởng.
- ▶ Tham gia các sự kiện ngành để tăng cường nhận diện thương hiệu.

Nâng cao sự hài lòng của khách hàng

Chúng tôi tiếp tục ứng dụng và cải tiến công nghệ để tối ưu hóa trải nghiệm người dùng:

- ▶ Nâng cấp website để khách hàng tìm kiếm thông tin về Công ty, dịch vụ, hướng dẫn, hỗ trợ được nhanh chóng và thuận tiện. Thiết kế website chuẩn UI/UX giúp nâng cao trải nghiệm người dùng;
- ▶ Cập nhật các nền tảng giao dịch để dễ sử dụng và mượt mà hơn; Tăng cường chuyển đổi số các dịch vụ chứng khoán để khách hàng có thể sử dụng mọi lúc, mọi nơi;
- ▶ Ra mắt công cụ hỗ trợ khách hàng trực tuyến DSC AI Chat. Bằng công cụ chat thông minh, DSC có thể hỗ trợ và hướng dẫn khách hàng 24/7.

Kế hoạch QTRR trong năm 2024

Kế thừa các thành quả đã đạt được trong năm 2023, DSC tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị rủi ro trong việc:

- ▶ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm: Hoàn thiện quy trình, chính sách nội bộ, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật cũng như các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban điều hành.
- ▶ Tăng cường công thức kiểm tra và giám sát tuân thủ đối với những hoạt động có rủi ro cao.
- ▶ Xây dựng, đào tạo, nâng cao ý thức quản trị rủi ro đối với lớp quản trị rủi ro thứ nhất. Đồng thời xây dựng bộ danh mục rủi ro đối với từng bộ phận/ Khối, từ đó có danh mục rủi ro trọng yếu của DSC.





QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Các kết quả lớn đạt được:

Hoàn thành nhanh chóng việc tăng vốn điều lệ lên hơn 2.000 tỷ đồng, đảm bảo thủ tục đúng trình tự theo quy định pháp luật. Việc tăng vốn điều lệ thành công đã góp phần tạo nguồn vốn để đẩy mạnh và mở rộng hoạt động kinh doanh.

Song song với đó, DSC tiếp tục thực hiện công tác số hóa mạnh mẽ các sản phẩm, dịch vụ để nâng cao trải nghiệm của khách hàng, thu hút thêm khách hàng mới. Các nền tảng giao dịch, tư vấn của DSC cơ bản đã hoàn chỉnh với các công cụ phân tích, đầu tư, theo dõi chứng khoán đa dạng, phục vụ đầy đủ nhu cầu của khách hàng: Home trading, Web Trading, Mobile App, Wetrade. Với việc kích hoạt triển khai dự án Tư vấn số trong năm 2023, DSC đã có những bước đi mạnh mẽ trong việc chuyển đổi số, đồng thời có những bước chuẩn bị cho xu hướng ZERO FEE trên thị trường chứng khoán. HĐQT xác định đây là một chiến lược dài hạn cần được triển khai để thích ứng với xu thế thị trường, cũng như đảm bảo tối ưu hóa chi phí và hiệu quả hoạt động trong thời gian tới.

Hoạt động môi giới khách hàng cá nhân tiếp tục được mở rộng thông qua tuyển dụng thêm nhân sự môi giới theo đúng kế hoạch, liên tục đánh giá hiệu quả để xây dựng khối môi giới tinh gọn, hiệu quả, tiếp tục là khối đóng góp trọng yếu cho lợi nhuận của công ty. Các khối kinh doanh khác cũng được xây dựng bài bản và có những đóng góp nhất định cho hiệu quả chung của toàn công ty.

Công tác quản trị rủi ro tiếp tục được chú trọng đặc biệt để hoạt động của DSC vừa an toàn đồng thời cũng đáp ứng kịp thời yêu cầu kinh doanh như: Ban hành bộ tiêu chí xây dựng Danh mục chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ; Xây dựng bản đồ nhận diện, đánh giá các rủi ro trọng yếu trong các hoạt động tại DSC; Nghiên cứu xây dựng chiến lược, khẩu vị rủi ro trong từng thời kỳ...

Tiếp tục đầu tư về CNTT để nâng cao năng lực hệ thống, an toàn an ninh thông tin, tập trung xây dựng năng lực tổ chức lưu trữ thông tin cũng như hoàn thiện nền tảng quản lý dữ liệu, nghiên cứu phát triển công nghệ mới trong việc phân tích dữ liệu để tăng trải nghiệm cũng như hiệu quả giao dịch của khách hàng.

Trọng tâm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao được DSC thực hiện xuyên suốt qua việc tuyển dụng, đào tạo nội bộ, yêu cầu nhân viên môi giới và nghiệp vụ hoàn thiện chứng chỉ hành nghề phù hợp, ... Cùng với đó, năm 2023 DSC cũng triển khai chương trình ESOP nhằm giữ chân người lao động gắn bó và đóng góp nhiều hơn nữa cho sự phát triển chung của công ty.

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Công tác điều hành mọi mặt hoạt động công ty của Tổng Giám đốc và các Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023 đã được thực hiện theo đúng chỉ đạo, định hướng của Hội đồng Quản trị và phù hợp quy định pháp luật; Kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với thực tế và yêu cầu của Hội đồng Quản trị. Năng lực quản trị điều hành công ty được nâng cao, quản trị rủi ro tương đối chặt chẽ. Công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp được quan tâm để từng bước xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo bản sắc riêng cho DSC.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị năm 2024

Xác định năm 2024 còn nhiều khó khăn thách thức, để hiện thực hóa tầm nhìn mà DSC đã đặt ra, Hội đồng Quản trị định hướng hoạt động năm 2024 như sau:

- ▶ Tổ chức niêm yết thành công cổ phiếu DSC trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh HOSE
- ▶ Tiếp tục lấy khách hàng làm trọng tâm. Đẩy mạnh số hóa dịch vụ, tăng tiện ích trải nghiệm cũng như mang lại cơ hội đầu tư hiệu quả cho khách hàng.
- ▶ Đưa ra các sản phẩm/dịch vụ cạnh tranh, đáp ứng đa dạng nhu cầu Khách hàng. Tăng thị phần cũng như nhận diện thương hiệu DSC trên thị trường.
- ▶ Gia tăng hiệu quả hoạt động, tối ưu hóa lợi ích cho cổ đông, nhà đầu tư.
- ▶ Quản trị rủi ro hiệu quả, từng bước truyền thông và xây dựng văn hóa quản trị rủi ro đến từng khâu, từng đơn vị tại DSC.
- ▶ Từng bước tiến khai xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang màu sắc riêng của DSC.

Hoạt động Quản trị doanh nghiệp trong năm 2023

Hội đồng Quản trị

Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Bộ phận (Ban) Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị của Công ty, có chức năng thực hiện dựa trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận (Ban) Kiểm toán nội bộ bao gồm: Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách Pháp Luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này; Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ; Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ; Đánh giá việc tuân thủ các quy định Pháp Luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản; Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty; Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con,...

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị trao đổi thường xuyên để kịp thời nắm bắt và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc giải quyết vướng mắc, đáp ứng hoạt động kinh doanh. Trong năm, Hội đồng Quản trị công ty tổ chức 30 cuộc họp nhằm đảm bảo tuân thủ nhiệm vụ đúng theo quy định tại điều lệ Công ty, tuân thủ quy định pháp luật có liên quan:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2023/NQ-HĐQT/ DSC	11/01/2023	Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	100%
2	02/2023/NQ- HĐQT/DSC	11/01/2023	Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và Danh sách CBNV được tham gia chương trình	100%
3	03/2023/NQ- HĐQT/DSC	12/01/2023	Chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được trong đợt phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng	100%
4	03.1/2023/NQ- HĐQT/DSC	12/01/2023	Phê duyệt Dự toán Công trình Tầng 1, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu	100%
5	03.2/2023/NQ- HĐQT/DSC	12/01/2023	Phê duyệt Dự toán Công trình Tầng 5 Phòng Giao dịch Hàm Long	100%
6	04/2023/NQ- HĐQT/DSC	20/02/2023	Phê duyệt Tổng hạn mức dư nợ cho vay ký quỹ đến ngày 30/06/2023	100%
7	05/2023/NQ- HĐQT/DSC	20/02/2023	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Giám đốc (Người đứng đầu) Chi nhánh Hồ Chí Minh	100%
8	06/2023/NQ- HĐQT/DSC	20/02/2023	Phương án sử dụng vốn thu được trong đợt phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
9	07/2023/NQ- HĐQT/DSC	23/02/2023	Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 1 năm 2023	100%
10	08/2023/NQ- HĐQT/DSC	24/02/2023	Chi tiết 1 số nội dung Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	100%
11	09/2023/NQ- HĐQT/DSC	27/02/2023	Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
12	10/2023/NQ-HĐQT/ DSC	01/03/2023	Triển khai chi tiết phương án sử dụng vốn 1.000 tỷ lên 2.000 tỷ đồng	100%
13	10.1/2023/NQ- HĐQT/DSC	08/03/2023	Phê duyệt phương án đấu giá cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	100%
14	11/2023/NQ-HĐQT/ DSC	22/03/2023	Phê duyệt Bộ tiêu chí xây dựng danh mục chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ	100%
15	12/2023/NQ-HĐQT/ DSC	12/04/2023	Điều chỉnh thời gian tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
16	13/2023/NQ-HĐQT/ DSC	18/04/2023	Chi tiết nội dung liên quan đến đợt phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng	100%
17	14/2023/NQ-HĐQT/ DSC	19/04/2023	Phê duyệt bổ sung mã HPG và SAM vào Danh mục Chứng khoán Giao dịch ký quỹ	100%
18	17/2023/NQ-HĐQT/ DSC	19/05/2023	Triển khai phương án chào bán và chốt quyền	100%
19	19/2023/NQ-HĐQT/ DSC	20/06/2023	Điều chỉnh gia hạn thời gian thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu	100%
20	19.1/2023/NQ- HĐQT/DSC	22/06/2023	Ban hành Quy định về triển khai phát hành ESOP	100%
21	20/2023/NQ- HĐQT/DSC	23/06/2023	Điều chỉnh gia hạn thời gian thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu	100%
22	21/2023/NQ-HĐQT/ DSC	28/06/2023	Thông qua Hợp đồng với Người có liên quan của Công ty - Công ty Cổ phần Đầu tư NTP	100%
23	22/2023/NQ- HĐQT/DSC	3/7/2023	Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 2 năm 2023	100%

Hoạt động của Hội đồng Quản trị (tiếp)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
24	23/2023/NQ- HĐQT/DSC	5/7/2023	Thông qua báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	100%
25	24/2023/NQ- HĐQT/DSC	21/07/2023	Thông qua phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết và Kết quả chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	100%
26	26.1/2023/NQ- HĐQT/DSC	16/10/2023	Họp định kỳ Quý 3 thông qua một số nội dung trong Quý 3: (1) Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh Quý 3/2023 (2) Phê duyệt hạn mức tự doanh Quý 4/2023 (3) Thông qua Quy chế đầu tư tự doanh	100%
27	27/2023/NQ- HĐQT/DSC	24/10/2023	Thông qua Bảng phân cấp thẩm quyền giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong hoạt động quản trị và điều hành	100%
28	28/2023/NQ- HĐQT/DSC	24/10/2023	Thông qua sửa đổi Phụ lục đính kèm Quy chế Công bố thông tin của Công ty	100%
29	29/2023/NQ- HĐQT/DSC	27/11/2023	Thông qua Hạn mức đầu tư tự doanh đối với một cổ phiếu, Kế hoạch kinh doanh dự kiến năm 2024, Chủ trương sửa chữa văn phòng Hội sở, chuyển địa điểm Phòng Giao dịch Hàm Long, Chi nhánh Đà Nẵng	100%
30	30/2023/NQ- HĐQT/DSC	24/10/2023	Thông qua việc trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi đối với khoản cho vay ký quỹ - Mã cổ phiếu NVL	100%

- a. Các cuộc họp HĐQT đều được diễn ra theo đúng trình tự, thủ tục quy định và có sự tham gia đầy đủ 100% tổng số thành viên, cụ thể:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ tán thành	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Đức Anh	CT HĐQT	30/30	100%	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	TV HĐQT	28/30	93,3%	100%	Lý do cá nhân
3	Ông Vũ Nhật Lâm	TV HĐQT	30/30	100%	100%	
4	Ông Bạch Quốc Vinh	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	30/30	100%	100%	

- b. Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm 2023: không có.

Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP DSC sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thị Hiền Ngọc	Trưởng Ban kiểm soát	25,000	0,0122%
2	Lê Thị Liên	Thành viên Ban kiểm soát	8,000	0,0039%
3	Bùi Thị Ngọc Ly	Thành viên Ban kiểm soát	8,000	0,0039%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động chung

Ban kiểm soát đã thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình theo chức năng và nhiệm vụ đã được ghi rõ tại Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định trong Luật Doanh nghiệp, bao gồm việc kiểm tra tính hợp lý, tuân thủ quy chế, điều lệ của các hoạt động kinh doanh, kiểm tra các BCTC năm 2023.

Hoạt động giám sát đối với Hội đồng quản trị

Trong quá trình thực hiện chức năng của mình, Ban Kiểm soát còn dành thời gian tham gia phiên họp của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực trọng yếu như:

- Giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh cũng như sự tuân thủ của Công ty đối với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Hoạt động của HĐQT Công ty đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty. Tổng Giám đốc đã tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ và phân cấp của HĐQT, tích cực triển khai việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- Trực tiếp đánh giá tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty, thường xuyên phối hợp, đưa ra các yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý Công ty, nhằm có đầy đủ thông tin, dữ liệu cần thiết để thực hiện công việc.

STT	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thị Hiền Ngọc	4/4	100%	100%	
2	Lê Thị Liên	4/4	100%	100%	
3	Bùi Thị Ngọc Ly	4/4	100%	100%	

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Chế độ lương, thưởng, thù lao của các thành viên trong HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ phù hợp với chính sách lương thưởng của Công ty.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Tuân thủ các quy định của pháp luật về nghĩa vụ công bố thông tin

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng các cán bộ quản lý khác của công ty và Ban kiểm soát chủ động liên hệ, trao đổi với nhau khi có những hoạt động kinh doanh cần thiết có ý kiến của các bên, trên tinh thần đoàn kết, hỗ trợ, nhằm mục tiêu vì sự phát triển chung của công ty.
Ban kiểm soát không nhận được các đơn khiếu nại của cổ đông trong năm 2023.

Các hoạt động quản trị rủi ro:

Trên cơ sở tham khảo các quy chuẩn quốc tế và đánh giá toàn diện, DSC xác định các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

Rủi ro về kinh tế

Rủi ro kinh tế đối với DSC nói riêng và với các Công ty chứng khoán nói chung là các rủi ro chủ yếu đến từ sự tăng trưởng kinh tế; biến động lãi suất, lạm phát, tỉ giá.

Giá trị danh mục cổ phiếu đầu tư được đánh giá lại dựa trên giá thị trường. Khi yếu tố kinh tế thay đổi, giá chứng khoán đều sẽ thay đổi để phản ánh thông tin đó, dẫn đến giá trị danh mục cổ phiếu biến động theo và ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Các giao dịch của DSC đều bằng đồng Việt Nam, không đầu tư và thanh toán bằng vàng hay ngoại tệ nên DSC không bị ảnh hưởng từ rủi ro do biến động tỷ giá hối đoái.

Rủi ro pháp lý

DSC chịu sự chi phối trực tiếp bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Kế toán, Luật Phòng chống rửa tiền, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các luật khác có liên quan. Chính vì vậy luôn tồn tại rủi ro do các văn bản hướng dẫn thi hành luật chưa rõ ràng hoặc không đồng bộ hoặc do có sự thay đổi mà DSC cập nhật không kịp thời.

Rủi ro đầu tư

DSC hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, trong đó đầu tư tự doanh là một trong những nghiệp vụ kinh doanh cốt lõi của Công ty. Để hạn chế rủi ro đầu tư, DSC đã thành lập Khối phân tích độc lập nhằm đánh giá mức độ rủi ro của các dự án đầu tư, các khoản giao dịch tự doanh, cũng như đánh giá giá trị danh mục thường xuyên để có thể kịp thời thay đổi chiến lược, kế hoạch và đưa ra biện pháp hạn chế tối đa các rủi ro có thể gặp phải.

Rủi ro thị trường

Các biến động trên thị trường chứng khoán có thể sẽ có tác động đến hoạt động kinh doanh của DSC. Ví dụ như các phiên giảm liên tục của thị trường, hay hiệu ứng call margin hàng loạt xuất hiện đều dẫn đến các tổn thất nhất định cho hoạt động của các công ty chứng khoán nói chung và DSC nói riêng.

Để hạn chế các rủi ro này, DSC thường xuyên thực hiện các nghiên cứu tình hình kinh tế vĩ mô, vi mô và Thị trường tài chính nói chung một cách toàn diện để thể dự đoán các xu hướng biến động của các yếu tố đó và ảnh hưởng, các kịch bản xảy ra đối với thị trường chứng khoán.

Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro thường xuyên xuất hiện với bất kỳ doanh nghiệp đang hoạt động, bởi rủi ro này gây ra bởi con người, sự không đầy đủ hoặc vận hành không tốt các quy trình, hệ thống Công nghệ thông tin hoặc do tác động của các sự kiện bên ngoài.

Để hạn chế các rủi ro này, Bộ phận Kiểm soát nội bộ tại DSC đều định kỳ thực hiện các chương trình kiểm tra việc tuân thủ quy trình các Phòng/Ban trong Công ty. Đồng thời, việc kiện toàn hệ thống Quy trình và hệ thống Công nghệ thông tin luôn là ưu tiên hàng đầu của DSC để bảo vệ tốt nhất lợi ích của khách hàng và các bên liên quan.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác bao gồm các rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra như thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, động đất, bão lụt... Nếu các rủi ro này xảy ra có thể gây ra các thiệt hại lớn về tài sản con người, tài sản vật chất của Công ty



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Định hướng và chính sách nhân sự

Trong năm 2024, DSC dự kiến tiếp tục rà soát, cập nhật các chính sách, quy trình nội bộ nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và các chuẩn mực tốt nhất của thị trường. Trong đó có một số chính sách nhân sự nổi bật như: chính sách lương và chế độ phúc lợi cho CBNV đặc biệt đối với CBNV khối Kinh doanh để thúc đẩy và tạo động lực cho đội ngũ nhân lực kinh doanh góp phần mang lại doanh thu lợi nhuận cao lại cho Công ty, tạo động lực gắn bó của người lao động đối với DSC, ...

Ngoài ra, trong năm 2024, DSC sẽ triển khai xây dựng khung năng lực đối với từng vị trí công việc để đẩy mạnh hiệu quả hơn nữa việc đánh giá nhân sự, bố trí và sử dụng nhân lực, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Đẩy mạnh các tác động tích cực đối với xã hội:

- Tạo việc làm đảm bảo mức lương phù hợp và thu nhập ổn định với các quyền lợi nâng cao. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và bền vững. Thu hút nhân tài phục vụ phát triển kinh doanh.
- Tiếp tục đầu tư phát triển con người, nuôi dưỡng và phát triển năng lực đội ngũ nhân sự hướng tới sự đóng góp tích cực cho công ty, cộng đồng.
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định, văn bản hướng dẫn của Nhà nước, thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các hoạt động duy trì và xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và bền vững.
- Thu hút nhân tài phục vụ phát triển kinh doanh.

Trách nhiệm đối với nhà nước, xã hội và cổ đông

1. Trách nhiệm với nhà nước – Thượng tôn pháp luật, đóng góp có trách nhiệm

Với mục tiêu phát triển hiệu quả, bền vững, ngay từ những ngày đầu tái cơ cấu hoạt động, Hội đồng Quản trị đã quán triệt sâu sắc tinh thần thượng tôn pháp luật trong mọi hoạt động của công ty. Trước các quyết định quan trọng, vấn đề rủi ro pháp lý luôn được quan tâm hàng đầu, với quan điểm không chấp nhận bất cứ rủi ro pháp lý nào do cố tình vi phạm các quy định pháp luật. Do đó, DSC luôn tuân thủ Luật, Quy định, Hướng dẫn có liên quan trong quá trình hoạt động; Chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch cho các cơ quan quản lý nhà nước.

2. Trách nhiệm với cổ đông

Liên quan đến trách nhiệm với Cổ đông, Công ty đã thực hiện tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường để trao đổi, lắng nghe ý kiến của cổ đông nhằm có chính sách phát triển công ty hài hòa với lợi ích của cổ đông.

Bên cạnh đó, trong năm 2024, DSC cũng sẽ triển khai chương trình định kỳ hàng tháng/ hàng quý Ban lãnh đạo công ty chia sẻ, thông tin cập nhật tình hình kinh doanh, hoạt động đến quý nhà đầu tư, quý cổ đông để hiện thực hóa các cam kết minh bạch thông tin đã đặt ra.

3.

Trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội

Năm 2023, DSC đã đóng góp tích cực vào các chương trình và quỹ hỗ trợ cho trẻ em, người nghèo, các gia đình thương binh, liệt sỹ nhằm tạo ra môi trường sống tốt hơn cho cộng đồng.

Ngoài ra vào tháng 12 năm 2023, DSC đã tổ chức thành công Chương trình thiện nguyện “Cùng DSC- Trao yêu thương” tại Điểm trường Bản Hỏ, tỉnh Bắc Kạn mang gần 200 suất quà cho các em nhỏ và các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại Vùng.





Báo cáo tài chính 2023

NỘI DUNG

- 3 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- 5 BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

- 7 BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- 11 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
- 13 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
- 17 BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
- 19 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Là tổ chức trách nhiệm với cộng đồng, xã hội, DSC luôn quan tâm và đồng hành cùng các chương trình mục tiêu quốc gia giảm phát thải nhà kính, tiết kiệm năng lượng cũng như các chương trình thiện nguyện để cùng Chính phủ và người dân xây dựng một Việt Nam phát triển bền vững.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức danh
Ông Nguyễn Đức Anh	Chủ tịch
Ông Vũ Nhật Lâm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Bạch Quốc Vinh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Hiền Ngọc	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Ngọc Ly	Thành viên
Bà Lê Thị Liên	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức danh
Ông Bạch Quốc Vinh	Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này là ông Nguyễn Đức Anh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Bạch Quốc Vinh – Tổng Giám đốc được ông Nguyễn Đức Anh ủy quyền ký Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 theo Giấy ủy quyền số 03/2022/UQ-CTHĐQT/DSC ngày 16/02/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc công bố rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Bạch Quốc Vinh
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 01 năm 2024

Số: 03/2024/RSMHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.3.3 "Các khoản cho vay", một số nhà đầu tư đang sử dụng các tài sản hợp pháp khác đã được thẩm định giá lại từ tháng 01/2023 để đảm bảo cho việc thanh toán khoản cho vay ký quỹ. Theo đó, Công ty đã quyết định trích lập dự phòng 100% gốc và lãi cho vay để đảm bảo thận trọng trong quản trị rủi ro và dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Lê Duy Trung
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4222-2024-026-1

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2024



Hoàng Anh Tú
Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4413-2023-026-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4,083,140,920,041	2,371,155,280,075
I. Tài sản tài chính	110		4,079,570,710,545	2,369,451,395,012
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4.1	63,163,827,831	567,913,958
1.1. Tiền	111.1		63,163,827,831	567,913,958
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)”	112	4.3.1	1,678,898,604,741	1,124,426,534,114
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)”	113	4.3.2	443,456,986,302	213,000,000,000
4. Các khoản cho vay	114	4.3.3	1,491,524,069,980	997,678,312,283
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	4.4	(36,190,290,925)	(4,761,532,956)
6. Các tài sản tài chính khác	117	4.5	438,706,120,661	34,615,085,030
6.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	177.1		349,729,000,000	-
6.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		88,977,120,661	34,615,085,030
6.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		11,930,216,170	7,631,814,049
6.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		77,046,904,491	26,983,270,981
7. Trả trước cho người bán	118	4.5	736,662,000	3,534,975,348
8. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	4.5	910,890,157	387,487,606
9. Các khoản phải thu khác	122	4.5	243,010,092	245,279,721
10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	4.5	(1,879,170,294)	(242,660,092)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		3,570,209,496	1,703,885,063
1. Tạm ứng	131	4.5	133,368,180	105,093,900
2. Hàng tồn kho	132		-	11,220,000
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	4.6	2,836,841,316	1,513,798,611
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		600,000,000	61,871,552
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135	4.14	-	11,901,000

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39,507,306,875	38,178,723,399
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		15,689,598,371	17,769,527,285
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	8,903,523,778	10,083,024,083
Nguyên giá	222		13,507,833,770	12,366,704,770
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(4,604,309,992)	(2,283,680,687)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	6,786,074,593	7,686,503,202
Nguyên giá	228		10,613,474,480	10,218,656,480
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(3,827,399,887)	(2,532,153,278)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	159,550,106
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	159,550,106
V. Tài sản dài hạn khác	250		23,817,708,504	20,249,646,008
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		3,099,484,500	3,203,154,540
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	4.6	13,664,256,972	12,005,520,350
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	4.9	7,053,967,032	5,040,971,118
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4,122,648,226,916	2,409,334,003,474

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,888,854,149,281	1,343,845,964,151
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		1,887,721,412,582	1,343,845,964,151
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	4.15	1,849,251,760,300	1,311,094,091,490
1.1. Vay ngắn hạn	312		1,849,251,760,300	1,311,094,091,490
1.2. Nợ thuê tài chính ngắn hạn	313		-	-
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	4.10	3,769,685,931	1,103,567,783
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	4.11	1,317,159,064	3,397,676,880
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		209,500,000	50,000,000
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	4.14	17,953,451,681	9,968,045,939
6. Phải trả người lao động	323		8,148,510,759	5,423,266,193
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		191,207,480	177,917,480
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	4.12	3,758,276,366	10,115,596,886
9. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		104,500,000	-
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	4.13	3,005,944,951	2,504,385,450
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		11,416,050	11,416,050
II. Nợ phải trả dài hạn	340		1,132,736,699	-
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	6.5	1,132,736,699	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,233,794,077,635	1,065,488,039,323
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	2,233,794,077,635	1,065,488,039,323
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2,048,889,250,000	1,000,500,000,000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		2,048,389,250,000	1,000,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		2,048,389,250,000	1,000,000,000,000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		500,000,000	500,000,000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		138,256,882	138,256,882
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		138,256,882	138,256,882
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		184,628,313,871	64,711,525,559
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4,122,648,226,916	2,409,334,003,474

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006		204,838,925	100,000,000
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK (VND)	008	5.1	64,061,090,000	901,100,000
3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK (VND)	012	5.2	11,940,000	11,940,000
B. TÀI SẢN & CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư (VND)	021		7,750,631,269,000	3,697,077,305,000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		7,572,673,069,000	3,416,370,205,000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		51,830,500,000	195,186,000,000
c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		16,896,640,000	583,640,000
d. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		109,231,060,000	84,937,460,000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	022		926,430,000	926,430,000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		926,430,000	926,430,000
3. Tài sản tài chính chờ về của NĐT (VND)	023	5.3	123,529,550,000	67,708,240,000
4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư (VND)	025	5.4	111,762,740,000	2,995,180,000
5. Tiền gửi của khách hàng (VND)	026	5.5	462,744,420,595	214,943,386,614
5.1. Tiền gửi của NĐT về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		462,704,308,296	213,327,402,277
5.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		40,112,299	1,615,984,337
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của NĐT trong nước	029.1		35,703,451	1,611,584,273
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của NĐT nước ngoài	029.2		4,408,848	4,400,064
6. Phải trả NĐT về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		462,690,540,313	214,913,066,329
6.1. Phải trả NĐT trong nước về tiền gửi GDCK theo phương thức CTCK quản lý	031.1		462,685,865,361	214,908,596,427
6.2. Phải trả NĐT nước ngoài về tiền gửi GDCK theo phương thức CTCK quản lý	031.2		4,674,952	4,469,902
7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	5.6	53,880,282	30,320,285

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		148,026,070,092	45,353,775,383
- Lãi bán các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	01		16,651,149,068	14,344,063,725
- Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	01.2		24,924,810,201	11,904,905,650
- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	01.3	6.1	106,450,110,823	19,104,806,008
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	6.1	17,906,837,205	46,937,293,150
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	6.1	135,356,561,328	47,639,586,301
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		103,914,009,439	25,931,006,298
1.5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	100,000,000
1.6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		27,640,000,000	-
1.7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		2,223,600,150	796,189,240
1.8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		3,168,181,818	100,000,000
1.9. Doanh thu hoạt động khác	11		211,624,559	1,960,000
Cộng doanh thu hoạt động	20		438,446,884,591	166,859,810,372
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		1,380,886,079	11,770,617,037
- Lỗ bán các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	21.1		658,384,189	336,918,487
- Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ	21.2		615,646,090	11,427,698,550
- Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ			106,855,800	6,000,000
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		33,065,268,171	1,149,940,080
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26		870,000	33,750,993

11/ Cấu trúc nội lực - Vững bước thành công

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 20223	Năm 2022
2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	6.2	102,963,604,584	31,621,178,471
2.5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	6.2	5,679,372,537	5,439,407,542
2.6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	6.2	5,480,482,436	-
2.7. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	6.2	2,494,874,288	668,200,001
2.8. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	6.2	282,014,547	-
Cộng chi phí hoạt động	40		151,347,372,642	50,683,094,124
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		2,314,788,934	644,181,539
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		2,314,788,934	644,181,539
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí lãi vay	52		100,846,775,758	42,153,568,937
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	60		100,846,775,758	42,153,568,937
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG				
	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CK				
	62	6.3	38,401,736,621	32,110,353,874
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
	70		150,165,788,504	42,556,974,976
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		147,013	27,269,458
8.2. Chi phí khác	72		199,518	188,344,387
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(52,505)	(161,074,929)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ				
	90		150,165,735,999	42,395,900,047
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN				
	100		30,248,947,687	8,948,666,234
10.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	100.1	6.4	29,116,210,988	12,308,237,940
10.2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	100.2	6.5	1,132,736,699	(3,359,571,706)
XI. LÃI KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN				
TNDN	300		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
XIII. LÃI THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
	500		119,916,788,312	33,447,233,813
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	501	4.16.4	814	334
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/CP)	502	4.16.4	814	334

Các thuyết minh Báo cáo tài chính từ trang 14 đến trang 46 là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

12

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	6.4	150,165,735,999	42,395,900,047
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		61,535,724,165	17,818,117,488
- Khấu hao tài sản cố định	03		3,615,875,914	1,207,130,217
- Các khoản dự phòng	04		33,065,268,171	369,119,310
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	07		(2,314,788,934)	(657,181,539)
- Chi phí lãi vay	06		100,846,775,758	42,934,389,707
- Dự thu tiền lãi	08		(73,677,406,744)	(26,035,340,207)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		615,646,090	11,427,698,550
- Lỗ đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		615,646,090	11,427,698,550
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(24,924,810,201)	(11,904,905,650)
- (Lãi) đánh giá giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(24,924,810,201)	(11,904,905,650)
5. (Lỗ) từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	30		(1,712,826,431,409)	(597,401,242,952)
- (Tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(530,162,906,516)	(844,112,617,864)
- (Tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	32		(230,456,986,302)	937,000,000,000
- (Tăng) các khoản cho vay	33		(493,845,757,697)	(655,847,916,739)
- (Tăng)/giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		(330,413,628,887)	15,302,851,848
- (Tăng) các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(363,902,551)	(87,487,606)
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	39		2,269,629	(2,269,629)
- (Tăng)/giảm các tài sản khác	40		(5,153,280)	70,252,110
- Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		438,090,648	(988,153,989)
- (Tăng) chi phí trả trước	42		(2,981,779,327)	(9,306,531,748)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43	4.14	(23,021,875,616)	(7,581,018,583)

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 20223	Năm 2022
- Lãi vay đã trả	44		(107,642,186,926)	(35,286,241,574)
- Tăng phải trả cho người bán	45		2,839,175,301	762,285,002
- Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		13,290,000	24,570,300
- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47		1,891,070,370	1,939,351,311
- Tăng phải trả người lao động	48		2,725,244,566	3,407,436,141
- Tăng phải trả, phải nộp khác	50		501,559,501	422,203,276
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		279,041,592	67,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(2,621,995,914)	(3,184,955,208)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(1,525,434,135,356)	(537,664,432,517)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	61		(831,658,515)	(18,578,175,165)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	62		-	13,000,000
3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		2,314,788,934	644,181,539
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		1,483,130,419	(17,920,993,626)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	71		1,048,389,250,000	-
2. Tiền thu từ đi vay	73	4.15	9,900,591,451,808	5,008,908,952,861
2.1. Tiền vay khác	73.2		9,900,591,451,808	5,008,908,952,861
3. Tiền trả nợ gốc vay	74	4.15	(9,362,433,782,998)	(4,459,650,061,371)
3.1. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(9,362,433,782,998)	(4,459,650,061,371)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		1,586,546,918,810	549,258,891,490
TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM	90		62,595,913,873	(6,326,534,653)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	4.1	567,913,958	6,894,448,611
Tiền	101.1		567,913,958	6,894,448,611
Các khoản tương đương tiền	101.2		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	4.1	63,163,827,831	567,913,958
Tiền	103.1		63,163,827,831	567,913,958
Các khoản tương đương tiền	103.2		-	-

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		34,882,290,098,260	8,283,253,523,810
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(33,903,794,592,140)	(10,681,890,061,540)
3. (Chi trả)/Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		(728,930,863,810)	2,533,947,237,304
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(1,763,608,329)	(523,475,039)
Tăng tiền thuần trong năm	20		247,801,033,981	134,787,224,535
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng				
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31		214,943,386,614	80,156,162,079
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		213,327,402,277	79,597,830,524
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		1,615,984,337	558,331,555
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng				
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		462,744,420,595	214,943,386,614
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		462,704,308,296	213,327,402,277
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		40,112,299	1,615,984,337

Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Người lập
Ngày 22 tháng 01 năm 2024

Trần Minh Toàn
Kế toán trưởng



Bạch Quốc Vinh
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	TM	Số dư đầu năm		Số tăng giảm				Số dư cuối năm	
		Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 01/01/2023	Năm trước		Năm nay		Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2023
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu	4.16	1,032,040,805,510	1,065,488,039,323	33,447,233,813	-	1,168,306,038,312	-	1,065,488,039,323	2,233,794,077,635
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1,000,500,000,000	1,000,500,000,000	33,447,233,813	-	1,048,389,250,000	-	1,000,500,000,000	2,048,889,250,000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000	-	-	1,048,389,250,000	-	1,000,000,000,000	2,048,389,250,000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		500,000,000	500,000,000	-	-	-	-	500,000,000	500,000,000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		138,256,882	138,256,882	-	-	-	-	138,256,882	138,256,882
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		138,256,882	138,256,882	-	-	-	-	138,256,882	138,256,882
4. Lợi nhuận chưa phân phối		31,264,291,746	64,711,525,559	-	-	119,916,788,312	-	64,711,525,559	184,628,313,871
Tổng cộng		1,032,040,805,510	1,065,488,039,323	33,447,233,813	-	1,168,306,038,312	-	1,065,488,039,323	2,233,794,077,635
II. Thu nhập toàn diện khác		-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi (lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng		-	-	-	-	-	-	-	-

Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Người lập
Ngày 22 tháng 01 năm 2024

Trần Minh Toàn
Kế toán trưởng



Bách Quốc Vinh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng. Công ty hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 29/UB-CK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/12/2006 và lần thay đổi bổ sung gần nhất ngày 23/8/2023 theo Giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC-UBCK điều chỉnh vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán mới nhất là 2.048.389.250.000 VND. Số lượng cổ phiếu là 204.838.925 cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 208 người (tại ngày 01/01/2023 là 172 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Tự doanh;
- Môi giới chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC - Phòng giao dịch Hàm Long	Tầng 1, Tầng 2, số 14-16 Hàm Long, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	157 Đống Đa, phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	Số 14 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 17, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

1.6 Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

3.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu. Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

3.5 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp)

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

3.6 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu hoặc;
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng riêng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán hoặc các quyền tài sản được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

3.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;

- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCom”) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất;

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCom”) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (“OTC”), căn cứ vào Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”), cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính và Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 48/2019/TT-BTC.

3.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

a) Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc

b) Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:

§ Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc

§ Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

3.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động.

- Chi phí thiết kế, thi công văn phòng;

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;

- Chi phí trả trước khác;

3.11 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Máy móc, thiết bị	03 – 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động.

3.12 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Phần mềm máy vi tính	03 – 08

Phần mềm máy vi tính 03 – 08

Bảng sáng chế và nhãn hiệu

Bảng sáng chế và nhãn hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Bảng sáng chế và nhãn hiệu	03 – 05

3.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

3.15 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: Các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (“TSCĐ”), nhượng bán TSCĐ.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.16 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

3.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu tiềm năng dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Năm 2023, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

- Hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán khác theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng;

- Hoạt động khác: Chịu thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	63,163,827,831	567,913,958
Cộng	63,163,827,831	567,913,958

4.2 Khối lượng và giá trị giao dịch thực hiện trong năm

	Năm 2023		Năm 2022	
	Khối lượng giao dịch thực hiện (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện (VND)	Khối lượng giao dịch thực hiện (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện (VND)
Của công ty	32,239,560	3,263,606,926,223	2,204,734	87,082,117,530
Cổ phiếu	10,913,201	291,892,275,280	2,204,734	87,082,117,530
Trái phiếu	21,326,359	2,971,714,650,943	-	-
Của nhà đầu tư	3,631,325,811	69,990,464,440,000	965,415,150	19,109,344,509,110
Cổ phiếu	3,631,298,011	68,990,225,430,000	965,415,150	19,109,344,509,110
Chứng chỉ quỹ	27,800	239,010,000	-	-
Cộng	3,663,565,371	72,254,071,366,223	967,619,884	19,196,426,686,640

4.3 Các loại tài sản chính

4.3.1 Các tài sản chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)

	Tại ngày 31/12/2023 (VND)		Tại ngày 01/01/2023(VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	206,634,531,553	227,337,770,741	3,120,968,103	751,613,180
ACB	62,986,440,000	70,323,360,000	-	-
VAB	2,897,790,000	574,541,741	2,897,790,000	676,737,700
OCB	1,581,600,167	1,596,000,000	-	-
FPT	67,897,158,174	72,843,800,000	-	-
SSI	71,271,085,000	82,000,000,000	-	-
IFS	-	-	222,695,462	74,800,000
Cổ phiếu khác	458,212	69,000	482,641	75,480
CP chưa niêm yết	10,010,000	-	10,010,000	-
CTCP Xây dựng công trình Giao thông Đà Nẵng	10,010,000	-	10,010,000	-
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	200,005,920,934	200,005,920,934
Chứng chỉ tiền gửi	1,451,560,834,000	1,451,560,834,000	923,669,000,000	923,669,000,000
Cộng	1,658,205,375,553	1,678,898,604,741	1,126,805,899,037	1,124,426,534,114

4.3 Các loại tài sản tài chính (tiếp)**4.3.2 Các khoản đầu tư nắm giữ nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

	Tại ngày 31/12/2023 (VND)		Tại ngày 01/01/2023(VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 01 năm	443,456,986,302	443,456,986,302	213,000,000,000	213,000,000,000
Cộng	443,456,986,302	443,456,986,302	213,000,000,000	213,000,000,000

4.3.3 Các khoản cho vay

	Tại ngày 31/12/2023 (VND)		Tại ngày 01/01/2023(VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động ký quỹ	1,389,807,851,964	1,353,617,561,039	929,267,628,656	924,506,095,700
Ông Cấn Lương Minh (i)	1,518,200,000	32,273,688	1,518,200,000	24,938,759
Ông Nguyễn Quang Lĩnh (i)	1,220,900,000	29,663,542	1,220,900,000	22,921,828
Ông Tạ Ngọc Anh (i)	1,400,900,000	30,983,968	1,400,900,000	23,942,157
Ông Nguyễn Trung Toàn (i)	705,200,000	15,353,800	705,200,000	11,864,300
Bà Lê Thị Hồng (ii)	8,617,726,741	-	8,617,726,741	8,617,726,741
Ông Nguyễn Vĩnh Huy (ii)	8,617,726,741	-	8,617,726,741	8,617,726,741
Ông Nguyễn Kháng (ii)	14,217,912,441	-	14,217,912,441	14,217,912,441
Nhà đầu tư khác (ii)	1,353,509,286,041	1,353,509,286,041	892,969,062,733	892,969,062,733
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	101,716,218,016	101,716,218,016	68,410,683,627	68,410,683,627
Cộng	1,491,524,069,980	1,455,333,779,055	997,678,312,283	992,916,779,327

(i) Là những đối tượng vay theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ từ năm 2016. Công ty xác định giá trị hợp lý của các khoản cho vay này bằng giá trị thị trường tại ngày 31/12/2023 của các tài sản đảm bảo (cổ phiếu) và đánh giá rằng khó có khả năng thu hồi các khoản công nợ trên.

(ii) Tại ngày 31/12/2023, phần lớn các khoản cho vay đang được đảm bảo bằng tiền và chứng khoán của chính các nhà đầu tư. Ngoài ra, một số nhà đầu tư đang sử dụng các tài sản hợp pháp khác liên quan đến các tài sản thuộc Dự án tổ hợp Khu du lịch Thung lũng Đại Dương đã được thẩm định giá lại để đảm bảo cho việc thanh toán khoản cho vay ký quỹ, thay vì dùng tiền và các chứng khoán của mình để đảm bảo. Theo đó, phương thức thu hồi khoản cho vay ký quỹ sẽ là số tiền thu được từ việc nhà đầu tư bán các tài sản hợp pháp này. Chi tiết các quyền tài sản sử dụng để đảm bảo thanh toán như sau:

Khách hàng	Số dư cho vay tại ngày 01/01/2023 (VND)	Số dư cho vay tại ngày 31/12/2023 (VND)	Số dư lãi vay lũy kế đến ngày 31/12/2023 (VND)	Tài sản dùng để đảm bảo (*) (VND)
Lê Thúy Hồng	8,617,726,741	8,617,726,741	448,382,887	Quyền tài sản đối với mã NWP.5.1-4.32
Nguyễn Vĩnh Huy	8,617,726,741	8,617,726,741	448,382,887	Quyền tài sản đối với mã NWP.5.2-4.16
Nguyễn Kháng	14,217,912,441	14,217,912,441	739,744,428	Quyền tài sản đối với mã NWP.5.1-3.07 và NWP.5.1-3.08
Tổng cộng	31,453,365,923	31,453,365,923	1,636,510,202	Tổng giá trị các quyền tài sản là 33,063,280,000 VND

(*) Giá trị các quyền tài sản được xác định dựa trên Chứng thư thẩm định giá số 050123/CT/DIAMONDRV ngày 05/01/2023 (thời hạn hiệu lực kết quả thẩm định giá là 06 tháng) của Công ty TNHH Thẩm định giá và Bất động sản Kim Cương. Các khoản cho vay này đã quá hạn thanh toán từ ngày 28/11/2022. Theo đó, Công ty đã quyết định trích lập dự phòng 100% số dư cho vay và lãi vay (với tổng số tiền là 33.089.876.125 VND) theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/2023/NQ-HĐQT/DSC ngày 01/12/2023 để đảm bảo thận trọng trong quản trị rủi ro và dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

4.4 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay (i)	(36,190,290,925)	(4,761,532,956)
Ông Cấn Lương Minh	(1,485,926,312)	(1.493,261,241)
Ông Nguyễn Quang Lĩnh	(1,191,236,458)	(1,197,978,172)
Ông Tạ Ngọc Anh	(1.369,916,032)	(1,376,957,843)
Ông Nguyễn Trung Toàn	(689,846,200)	(693,335,700)
Bà Lê Thị Hồng	(8.617,726,741)	-
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	(8,617,726,741)	-
Ông Nguyễn Kháng	(14,217,912,441)	-
Cộng	(36,190,290,925)	(4,761,532,956)

(i) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

4.5 Các khoản phải thu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
1. Các khoản thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, Trong đó:	438,706,120,661	34,615,085,030
- Các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	77,046,904,491	26,983,270,981
- Phải thu bán các tài sản tài chính	349,729,000,000	-
2. Trả trước cho người bán, Trong đó:	736,662,000	3,534,975,348
- Công ty cổ phần Landco	-	2,120,626,184
- Công ty khác	736,662,000	1,414,349,164
3. Các khoản phải thu khác	243,010,092	245,279,721
4. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (i)	(1,879,170,294)	(242,660,092)
5. Phải thu các dịch vụ TCKK cung cấp	910,890,157	387,487,606
6. Tạm ứng	133,368,180	105,093,900
Cộng	438,850,880,796	38,645,261,513

(i) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

4.5 Các khoản phải thu (tiếp)

	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 01/01/2023 VND	Số dự phòng tại ngày 01/01/2023 VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Số dự phòng tại ngày 31/12/2023 VND	Giá trị phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2023 VND
Các khoản phải thu khác	242,660,092	242,660,092	-	-	242,660,092	242,660,092
Bà Võ Thị Xuân Trang	23,322,825	23,322,825	-	-	23,322,825	23,322,825
Bà Nguyễn Thị Thủy	219,337,267	219,337,267	-	-	219,337,267	219,337,267
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	-	-	1,636,510,202	-	1,636,510,202	1,636,510,202
Bà Lê Thị Hồng	-	-	448,382,887	-	448,382,887	448,382,887
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	-	-	448,382,887	-	448,382,887	448,382,887
Ông Nguyễn Kháng	-	-	739,744,428	-	739,744,428	739,744,428
Cộng	242,660,092	242,660,092	1,636,510,202	-	1,879,170,294	1,879,170,294

(i) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

Dự phòng “Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi và các tài sản tài chính” là lãi dự thu của các đối tượng đã được trích lập dự phòng gốc phải thu cho vay như tại Thuyết minh 4.3.3 “Các khoản cho vay”.

4.6 Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngắn hạn		
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	9,201,985	126,693,504
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2,827,639,331	1,387,105,107
Cộng	2,836,841,316	1,513,798,611
Dài hạn		
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	7,298,827,733	12,005,520,350
Chi phí thiết kế và thi công văn phòng	4,750,699,871	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1,614,729,368	-
Cộng	13,664,256,972	12,005,520,350

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị (VND)	Thiết bị, dụng cụ, quản lý (VND)	Cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2023	12,190,272,514	176,432,256	12,366,704,770
Mua sắm	442,871,000	698,258,000	1,141,129,000
Tại ngày 31/12/2023	12,633,143,514	874,690,256	13,507,833,770
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2023	2,253,089,610	30,591,077	2,283,680,687
Khấu hao	2,280,587,385	40,041,920	2,320,629,305
Tại ngày 31/12/2023	4,533,676,995	70,632,997	4,604,309,992
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2023	9,937,182,904	145,841,179	10,083,024,083
Tại ngày 31/12/2023	8,099,466,519	804,057,259	8,903,523,778

4.8 Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2023	88,000,000	132,000,000	9,998,656,480	10,218,656,480
Mua sắm	-	-	394,818,000	394,818,000
Tại ngày 31/12/2023	88,000,000	132,000,000	10,393,474,480	10,613,474,480
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2023	25,055,551	22,550,000	2,484,547,727	2,532,153,278
Khấu hao	29,333,328	26,400,000	1,239,513,281	1,295,246,609
Tại ngày 01/01/2023	54,388,879	48,950,000	3,724,061,008	3,827,399,887
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2023	62,944,449	109,450,000	7,514,108,753	7,686,503,202
Tại ngày 31/12/2023	33,611,121	83,050,000	6,669,413,472	6,786,074,593

Tại ngày 31/12/2023, nguyên giá các TSCĐ vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.930.878.800 VND (tại ngày 01/01/2023 là 1.808.499.800 VND).

4.9 Tiền nộp vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo quy định hiện hành của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và nghiệp vụ tự doanh.

Chi tiết tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Tiền nộp ban đầu	5,040,971,118	4,676,621,102
Tiền nộp bổ sung	1,689,672,535	157,583,088
Tiền lãi phân bổ trong năm	323,323,379	206,766,928
Cộng	7,053,967,032	5,040,971,118

4.10 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Sở Giao dịch chứng khoán	1,717,154,896	981,878,523
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	2,052,531,035	121,689,260
Cộng	3,769,685,931	1,103,567,783

4.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Công ty CP Công nghệ Bằng Hữu	895,701,400	668,149,300
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Tài chính	-	2,287,800,000
Các công ty khác	421,457,664	441,727,580
Cộng	1,317,159,064	3,397,676,880

4.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Chi phí lãi vay phải trả	3,193,596,972	9,989,008,140
Chi phí phải trả khác	564,679,394	126,588,746
Cộng	3,758,276,366	10,115,596,886

4.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Công ty Cổ phần Việt Nam Equity	717,860,000	717,860,000
Cộng tác viên phát triển khách hàng	2,270,061,912	1,782,787,950
Đối tượng khác	18,023,039	3,737,500
Cộng	3,005,944,951	2,504,385,450

4.14 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2023 VND	
	Số dư	Tăng	Khấu trừ	Số dư		
Thuế GTGT được khấu trừ	11,901,000		16,375,379	28,276,379	-	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	364,433,158	370,289,417	-	5,856,259
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7,450,741,595	23,021,875,616	29,116,210,988	-	13,545,076,967
Thuế thu nhập cá nhân	-	610,694,864	8,166,789,311	8,525,841,573	-	969,747,126
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ Nhà đầu tư	-	1,906,609,480	36,268,010,415	37,794,172,264	-	3,432,771,329
Các loại thuế khác	-	-	17,717,810	17,717,810	-	-
Cộng	-	9,968,045,939	67,838,826,310	75,824,232,052	-	17,953,451,681

4.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 01/01/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (i)	461,094,091,490	461,094,091,490	6,300,286,570,208	5,499,996,386,898	1,261,384,274,800	1,261,384,274,800
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (ii)	50,000,000,000	50,000,000,000	819,288,511,700	731,421,026,200	137,867,485,500	137,867,485,500
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	300,000,000,000	300,000,000,000	777,735,000,000	1,077,735,000,000	-	-
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - Chi nhánh Đông Đô (iii)	-	-	2,003,281,369,900	1,553,281,369,900	450,000,000,000	450,000,000,000
Ông Lê Quang Hải	500,000,000,000	500,000,000,000	-	500,000,000,000	-	-
Cộng	1,311,094,091,490	1,311,094,091,490	9,900,591,451,808	9,362,433,782,998	1,849,251,760,300	1,849,251,760,300

4.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp)

Số hợp đồng	Thời hạn	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích	Tài sản đảm bảo
(i) Hợp đồng tín dụng số 02/2023/1412941/HĐTĐ ngày 18/5/2023 (Theo văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 02/2023/1412941/SĐHĐTĐ)	1,261,384,274,800	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Đầu tư kinh doanh cổ phiếu. Đầu tư, kinh doanh chứng chỉ tiền gửi.	Các khoản tiền gửi, giấy tờ có giá do ngân hàng BIDV phát hành (trừ cổ phiếu).
(ii) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT128-DSC ngày 20/12/2023	137,867,485,500	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Đầu tư kinh doanh trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi. Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các Hợp đồng cầm cố được giao kết.
(iii) Hợp đồng tín dụng số 106.0337/2023/HĐT-DHM-DN/PGBankĐĐ ngày 02/6/2023	450,000,000,000	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ nhưng không quá 04 tháng	Được quy định theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể	Đầu tư trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh, chứng chỉ tiền gửi và hoạt động giao dịch ký quỹ.	Hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng.
Cộng	1,849,251,760,300				

Lưu ý: Khách hàng k cho thuyết minh hạn mức tín dụng cụ thể vì đây là bảo mật của ngân hàng
Tài sản đảm bảo k thuyết minh chi tiết số tiền như trình bày lại wps Thống kê các hợp đồng cầm cố (do tại mỗi thời điểm số tiền sẽ khác nhau) số 6008

4.16 Vốn chủ sở hữu**4.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2022	1,000,000,000,000	500,000,000	138,256,882	138,256,882	31,264,291,746	1,032,040,805,510
Góp vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	33,447,233,813	33,447,233,813
Tại ngày 31/12/2022	1,000,000,000,000	500,000,000	138,256,882	138,256,882	64,711,525,559	1,065,488,039,323
Tại ngày 01/01/2023	1,000,000,000,000	500,000,000	138,256,882	138,256,882	64,711,525,559	1,065,488,039,323
Góp vốn	1,048,389,250,000	-	-	-	-	1,048,389,250,000
Lãi trong năm	-	-	-	-	119,916,788,312	119,916,788,312
Cộng	2,048,389,250,000	500,000,000	138,256,882	138,256,882	184,628,313,871	2,233,794,077,635

(i) Trong năm, Công ty đã thực hiện hai đợt tăng vốn:

- Ngày 05/7/2023: Công ty đã thực hiện ghi nhận tăng vốn theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 23/2023/NQ-HĐQT/DSC ngày 05/7/2023 về việc thông qua báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.048.837.000.000 VND. Công văn số 4595/UBCK-QLKD ngày 12/7/2023 về việc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận được đầy đủ tài liệu Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty;
- Ngày 21/7/2023: Công ty đã thực hiện ghi nhận tăng vốn theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 24/2023/NQ-HĐQT/DSC ngày 21/7/2023 thông qua kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ Công ty lên 2.048.389.250 VND. Công văn số 5057/UBCK-QLKD ngày 28/7/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc đã nhận được Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty.

4.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số vốn đã góp		Số vốn đã góp	
	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Đức Anh (i)	729,998,000,000	35.64	14,999,000,000	1.50
Công ty CP Đầu tư NTP (i)	700,000,000,000	34.17	700,000,000,000	70.00
Bà Văn Lê Hằng	100,250,000,000	4.89	100,250,000,000	10.02
Các cổ đông khác	518,141,250,000	25.30	184,751,000,000	18.48
Cộng	2,048,389,250,000	100.00	1,000,000,000,000	100.00

(i) Công ty CP Đầu tư NTP đã chuyển nhượng 70.000.000 quyền mua mã chứng khoán DSC cho ông Nguyễn Đức Anh như tại Thuyết minh 7.1 "Nghị vụ và số dư với các bên liên quan".

4.16.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	205,000,000	100,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	204,838,925	100,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	204,838,925	100,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	204,838,925	100,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	204,838,925	100,000,000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10,000	10,000

4.16.4 Lãi cơ bản/thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi kế toán sau thuế TNDN (VND)	119,916,788,312	33,447,233,813
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	147,319,789	100,000,000
Cộng	814	334

Hiện tại, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu nên thu nhập pha loãng trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU NGOÀI BẢO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**5.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	64,061,090,000	901,100,000
Cộng	64,061,090,000	901,100,000

5.2 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Cổ phiếu	11,940,000	11,940,000
Cộng	11,940,000	11,940,000

5.3 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Cổ phiếu và chứng quyền	123,529,550,000	67,708,240,000
Cộng	123,529,550,000	67,708,240,000

5.4 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Cổ phiếu	111,762,740,000	2,995,180,000
Cộng	111,762,740,000	2,995,180,000

5.5 Tiền gửi của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	462,704,308,296	213,327,402,277
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	462,699,244,856	213,327,332,439
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	5,063,440	69,838
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	40,112,299	1,615,984,337
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	35,703,451	1,611,584,273
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	4,408,848	4,400,064
Cộng	462,744,420,595	214,943,386,614

5.6 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	53,880,282	30,320,285
Cộng	53,880,282	30,320,285

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**6.1 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính, cho vay và phải thu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	106,450,110,823	19,104,806,008
Từ tài sản tài chính HTM	17,906,837,205	46,937,293,150
Từ các khoản cho vay và phải thu	135,356,561,328	47,639,586,301
Cộng	259,713,509,356	113,681,685,459

6.2 Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán, chi phí lương, chi phí khác)	102,963,604,584	31,621,178,471
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	5,480,482,436	-
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	2,494,874,288	668,200,001
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	5,679,372,537	5,439,407,542
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay (i)	33,065,268,171	1,149,940,080
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	282,014,547	-
Cộng	149,965,616,563	38,878,726,094

(i) Số trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2023 chủ yếu liên quan các khoản cho vay như tại Thuyết minh 4.3.3 “Các khoản cho vay”.

6.3 Chi phí lãi vay

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền lãi vay	100,846,775,758	42,153,568,937
Lãi vay ngân hàng	79,228,775,758	36,104,957,826
Lãi vay cá nhân	21,558,000,000	6,048,611,111
Cộng	100,846,775,758	42,153,568,937

6.4 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	24,540,822,624	19,794,242,983
Chi phí vật liệu văn phòng	175,881,081	464,306,170
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	1,521,958,344	1,372,887,680
Chi phí khấu hao tài sản TSCĐ	450,327,243	247,785,327
Thuế và các khoản lệ phí	7,000,000	10,500,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,439,007,717	709,055,484
Chi phí khác bằng tiền	10,266,739,612	9,511,576,230
Cộng	38,401,736,621	32,110,353,874

6.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động.

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi kế toán trước thuế	150,165,735,999	42,395,900,047
Điều chỉnh các khoản (giảm)/tăng lợi nhuận	(4,584,681,061)	19,145,289,651
Chi phí không được trừ	1,084,002,434	2,348,340,420
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(5,000,000)	(909,300)
Chi phí dự phòng phải thu cho vay và lãi vay (i)	17,363,193,164	-

6.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp)

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
(Chênh lệch)/Hoàn nhập chênh lệch từ nghiệp vụ đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(23,026,876,659)	16,797,858,531
Lãi sau điều chỉnh	145,581,054,938	61,541,189,698
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	145,581,054,938	61,541,189,698
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	29,116,210,988	12,308,237,940
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	29,116,210,988	12,308,237,940
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	7,450,741,595	2,723,522,238
Thuế TNDN đã trả trong năm	(23,021,875,616)	(7,581,018,583)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	13,545,076,967	7,450,741,595

(i) Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của khoản dự phòng phải thu cho vay và lãi vay là khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết khoản dự phòng như tại Thuyết minh 4.3.3 “Các khoản cho vay”.

6.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Bảng cân đối		Báo cáo kết quả	
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Chênh lệch từ nghiệp vụ trích lập dự phòng phải thu cho vay và lãi vay.	3,472,638,633	-	(3,472,638,633)	-
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả và thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3,472,638,633)	-	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1,132,736,699	-		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế - Chênh lệch từ nghiệp vụ đánh giá lại TSTC FVTPL	4,605,375,332	-	4,605,375,332	-
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(3,472,638,633)	-	-	(3,359,571,706)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			1,132,736,699	(3,359,571,706)

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Đức Anh	Cổ đông lớn
Công ty CP Đầu tư NTP	Cổ đông lớn
Bà Văn Lê Hằng	Cổ đông lớn
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	
Ban Tổng giám đốc và các cổ đông Công ty	

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Cung cấp dịch vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty CP Đầu tư NTP	27,572,000,000	-
Phí tư vấn đầu tư (i)	25,000,000,000	-
Phí chuyển nhượng quyền mua (ii)	2,572,000,000	-
Ông Nguyễn Đức Anh	2,572,000,000	-
Phí chuyển nhượng quyền mua (ii)	2,572,000,000	-
Bà Văn Lê Hằng	354,383,750	-
Phí chuyển nhượng quyền mua	354,383,750	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	107,287,250	-
Phí chuyển nhượng quyền mua	107,287,250	-
Cộng	30,606,671,000	-

(i) Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua theo Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐQT/DSC ngày 28/6/2023.

(ii) Công ty CP Đầu tư NTP đã chuyển nhượng 70.000.000 quyền mua mã chứng khoán DSC cho ông Nguyễn Đức Anh với tổng giá trị chuyển nhượng là 35.000.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền mua chứng khoán số 01/2023/HĐCNQM_DSC/NTP-NDA ngày 28/6/2023. Tổng phí chuyển nhượng quyền mua Công ty thu được từ giao dịch này là 5.145.000.000 VND.

Góp vốn

Trong năm, các cổ đông công ty đã thực hiện giao dịch góp vốn như tại Thuyết minh 4.16 “Vốn chủ sở hữu”.

7.2 Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm 2023 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	2,439,500,000
Ông Nguyễn Đức Anh	832,000,000
Ông Vũ Nhật Lâm	1,365,000,000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	162,500,000
Ông Bạch Quốc Vinh	80,000,000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	130,000,000
Bà Nguyễn Thị Hiền Ngọc	130,000,000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	2,600,000,000
Ông Bạch Quốc Vinh	2,600,000,000
Cộng	5,169,500,000

7.3 Thông tin báo cáo bộ phận: Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động tự doanh VND	Hoạt động môi giới VND	Hoạt động lưu ký chứng khoán VND	Hoạt động khác (i) VND	Tổng cộng VND
Năm 2023					
1. Doanh thu	148,026,070,092	103,914,009,439	2,223,600,150	184,283,204,910	438,446,884,591
2. Các chi phí trực tiếp	1,381,756,079	102,963,604,584	2,494,874,288	44,507,137,691	151,347,372,642
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	-	-	-	-	139,248,711,897
4. Thu nhập khác không phân bổ	-	-	-	-	2,314,935,947
Lợi nhuận trước thuế	146,644,314,013	950,404,855	(271,274,138)	139,776,067,219	150,165,735,999
Số dư tại ngày 31/12/2023					
1. Tài sản bộ phận	2,028,627,604,741	7,053,967,032	-	1,987,779,277,973	4,023,460,849,746
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	99,187,377,170
Tổng tài sản	2,028,627,604,741	7,053,967,032	-	1,987,779,277,973	4,122,648,226,916
Nợ phải trả tại ngày 31/12/2023					
1. Nợ phải trả của bộ phận	-	3,432,771,329	-	-	3,432,771,329
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1,885,421,377,952
Tổng nợ phải trả	-	3,432,771,329	-	-	1,888,854,149,281
Năm 2022					
1. Doanh thu	45,353,775,383	25,931,006,298	796,189,240	94,778,839,451	166,859,810,372
2. Các chi phí trực tiếp	11,804,368,030	31,621,178,471	668,200,001	6,589,347,622	50,683,094,124
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	-	-	-	-	74,452,267,198
4. Thu nhập khác không phân bổ	-	-	-	-	671,450,997
Lợi nhuận trước thuế	33,549,407,353	(5,690,172,173)	127,989,239	88,189,491,829	42,395,900,047
Số dư tại ngày 31/12/2023					
1. Tài sản bộ phận	1,124,426,534,114	5,040,971,118	-	1,244,456,946,940	2,373,924,452,172
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	35,409,551,302
Tổng tài sản	1,124,426,534,114	5,040,971,118	-	1,244,456,946,940	2,409,334,003,474
Nợ phải trả tại ngày 01/01/2023					
1. Nợ phải trả của bộ phận	-	1,906,609,480	-	-	1,906,609,480
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1,341,939,354,671
Tổng nợ phải trả	-	1,906,609,480	-	-	1,343,845,964,151

7.3 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp)

(i) Hoạt động khác bao gồm hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, hoạt động đầu tư vào tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn, cho vay và hoạt động tư vấn tài chính.

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam.

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 04/7/2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã gửi tờ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết cổ phiếu DSC tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và thực hiện việc niêm yết toàn bộ cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. Thời điểm thay đổi trong năm 2023, 2024 hoặc thời điểm khác phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty, tình hình thị trường và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục để thực hiện việc thay đổi này.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

7.5 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.



Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Người lập
Ngày 22 tháng 01 năm 2024



Trần Minh Toàn
Kế toán trưởng



Bách Quốc Vinh
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3880 3456 **Email:** info@dsc.com.vn **Website:** www.dsc.com.vn

